

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu thuốc generic
thuộc Dự án: Mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN QUẬN 11

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức lại Bệnh viện Quận 11 trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11 thành Bệnh viện Quận 11 trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-SYT ngày 12/8/2020 của Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-SYT ngày 07/01/2022 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-BV ngày 14/01/2022 của Giám đốc Bệnh viện Quận 11 về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu các gói thầu mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Quyết định số 1866/QĐ-BV ngày 15/06/2021 của Giám đốc Bệnh viện Quận 11 về việc Thành lập Tổ mời thầu thực hiện mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-BV ngày 10/01/2022 của Giám đốc Bệnh viện Quận 11 về việc kiện toàn Tổ chuyên gia thực hiện mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-BV ngày 10/01/2022 của Giám đốc Bệnh viện Quận 11 về việc kiện toàn Tổ thẩm định thực hiện mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-BV ngày 01/04/2022 của Bên mời thầu về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu generic thuộc dự án mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-BV ngày 14/4/2022 của Tổ mời thầu về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu thuốc generic thuộc dự án mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 19/4/2022 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc generic thuộc dự án mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11;

Xét đề nghị của Bên mời thầu tại Tờ trình số 105/TTr-BMT ngày 19/4/2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc generic.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc generic thuộc dự án mua sắm thuốc năm 2021 - 2022 của Bệnh viện Quận 11 như sau:

- Tổng số sản phẩm trúng thầu: **582 sản phẩm.**
- Tổng số giá trị sản phẩm trúng thầu: **110.310.675.760 đồng** (Bằng chữ: Một trăm mười tỷ, ba trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng chẵn./.)
- Tên thuốc, số lượng, đơn giá, giá trị và nhà thầu trúng thầu (Danh mục đính kèm).
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước; Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan bảo hiểm thanh toán; Nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 2. Giao Khoa Dược và phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự, tổ chức hoàn thiện và ký kết hợp đồng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Khoa Dược, phòng Tài chính kế toán và các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Mu*

- Như điều 4;
- Lưu: VT, KD(08b).

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Dũng

DANH MỤC THUỐC TRƯNG THẦU
GÓI THẦU: THUỐC GENERIC
THUỐC DỰ ÁN: MUA SẴM THUỐC NĂM 2021 - 2022 CỦA BỆNH VIỆN QUẬN 11
(Đính kèm Quyết định 1326/QĐ-BV ngày 20 tháng 04 năm 2022)

STT	STT trong tài liệu thuốc	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	5	Acenocoumarol	AZENMAROL 1		VD-28825-18, Hiệu lực: 22/02/2023	1mg	Viên nén		Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	380	3,500	1,330,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
2	6	Acenocoumarol	AZENMAROL 4		VD-28826-18, Hiệu lực: 22/02/2023	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	515	1,000	515,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
3	14	Acetylsalicylic acid	ASPIRIN 81		VD-29659-18, Hiệu lực: 27/03/2023	81mg	Viên nén bao tan trong ruột		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 vi x 10 viên	68	400,000	27,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
4	46	Gel nhóm phosphat	GEL-APHOS		VD-19312-13 (Công văn gia hạn: CV số 11335e/QLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/06/2022	20% 12,38g	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 gói x 20g	930	25,000	23,250,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
5	67	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci)	STATINAGI 10		VD-25128-16 (Công văn gia hạn: CV số 14607e/QLD-DK ngày 01/08/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 05/09/2022	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi x 10 viên	122	150,000	18,300,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
6	76	Bambuterol HCl	BABUROL		VD-24113-16 (Công văn gia hạn: CV số 116015e/QLD-DK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 30/05/2022	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	340	1,000	340,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
7	155	Clobetason propionat	β-SOL		VD-19833-13 (Công văn gia hạn: CV số 11538e/QLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/06/2022	Mỗi 10g chứa: Clobetason propionat 5mg	Kem bôi da	Tuýp 10g	Bôi	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	9,650	2,500	24,125,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
8	173	Diacerein	AGDICERIN		VD-33143-19, Hiệu lực: 23/10/2024	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi (nhóm/PVC) x 10 viên	560	20,000	11,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
9	199	Donepezil HCl	ANEPZIL		VD-22795-15 (Công văn gia hạn: CV số 1824e/QLD-DK ngày 23/02/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 23/02/2022	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1,900	1,000	1,900,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
10	264	Acid folic	AGINFOLIX 5		VD-25119-16 (Công văn gia hạn: CV số 14611e/QLD-DK ngày 01/08/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 05/09/2022	5mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	165	3,000	495,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
11	280	Glimepirid	GLIMEGIM 2		VD-25124-16 (Công văn gia hạn: CV số 14620e/QLD-DK ngày 01/08/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 05/09/2022	2mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	195	10,000	1,950,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
12	282	Glimepirid	GLIMEGIM 4		VD-28829-18, Hiệu lực: 22/02/2023	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	260	10,000	2,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
13	307	Imidapril hydroclorid	IMIDAGI 10		VD-33380-19, Hiệu lực: 23/10/2024	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1,330	15,000	19,950,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
14	309	Imidapril HCl	IMIDAGI 5		VD-14668-11, Hiệu lực: 28/12/2020	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	740	5,000	3,700,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
15	318	Irbesartan	IHYBES 150		VD-23489-15 (Công văn gia hạn: CV số 2808e/QLD-DK ngày 09/03/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 09/03/2022	150mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	460	80,000	36,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
16	347	Lamivudin	AGIMIDIN		VD-30272-18, Hiệu lực: 05/07/2023	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	480	3,000	1,440,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM



	STT	Họ và tên	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nguồn sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị gói	Số lượng gói	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	17	367	Linezolid	IDOMAGI		VD-30280-18, Hiệu lực: 05/07/2023	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	8,900	2,000	17,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	18	375	Losartan kali	AGILOSART 100		VD-28820-18, Hiệu lực: 22/02/2023	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	715	50,000	35,750,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	19	441	Acetylcystein	ACECYST		VD-25112-16 (Công văn gia hạn: CV số 14628eQLD-DK ngày 01/08/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 05/09/2022	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	205	80,000	16,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	20	529	Piracetam	AGICETAM 800		VD-25115-16 (Công văn gia hạn: CV số 14617eQLD-DK ngày 01/08/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 05/09/2022	800mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	350	150,000	52,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	21	536	Povidone iodine	POVIDONE		VD-17882-12 (Công văn gia hạn: CV số 11520eQLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/06/2022	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Chai nhựa HD chứa 90ml	7,450	150	1,117,500	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	22	546	Promethazin hydroclorid	PROMETHAZIN		VD-25127-16 (Công văn gia hạn: CV số 14624eQLD-DK ngày 01/08/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 05/09/2022	5mg	Thuốc cốm		Uống	Gói	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 gói x 1.6 g; Hộp 30 gói x 1.6 g	1,500	1,000	1,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	23	554	Rabeprazol natri	RABEPAGI 10		VD-28832-18, Hiệu lực: 22/02/2023	10mg	Viên nén bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	1,470	100,000	147,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	24	561	Rebamipid	AGIREMID 100		VD-27748-17, Hiệu lực: 19/09/2022	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	680	20,000	13,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	25	571	Rosuvastatin (dạng Rosuvastatin calci)	AGIROVASTIN 10		VD-28823-18, Hiệu lực: 22/02/2023	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	310	150,000	46,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	26	593	Simethicon	MOGASTIC 80		VD-29666-18, Hiệu lực: 27/03/2023	80mg	Viên nén nhai		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	300	30,000	9,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	27	609	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	SUPERTRIM		VD-23491-15 (Công văn gia hạn: CV số 9028eQLD-DK ngày 29/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 29/05/2022	400mg + 80mg	Thuốc bột uống		Uống	Gói	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 30 gói x 1,6g	1,540	5,000	7,700,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	28	622	Tenofovir disoproxil fumarat	AGIFOVIR		VD-18925-13 (Công văn gia hạn: CV số 11521eQLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/06/2022	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1,480	20,000	29,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	29	653	Trimebutin maleat	AGITRITINE 100		VD-31062-18, Hiệu lực: 08/10/2023	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	290	150,000	43,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	30	654	Trimebutin maleat	AGITRITINE 200		VD-13753-11 (Công văn gia hạn: CV số 11537eQLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/06/2022	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	580	20,000	11,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	31	673	Retinyl acetat	AGIRENYL		VD-14666-11 (Công văn gia hạn: CV số 11534eQLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/06/2022	5000IU	Viên nang		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	240	50,000	12,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
	32	90	Bisoprolol fumarat	MAXXPLOL 2.5		VD-25134-16 (Công văn gia hạn: CV số 10498eQLD-DK ngày 31/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 05/09/2022	2.5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	152	700,000	106,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A
	33	166	Dexloratadin	SOSALLERGY SYRUP		VD-29679-18, Hiệu lực: 27/03/2023	0.5mg/ml	Siro thuốc	Ông 10ml	Uống	Ông	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 12 ông x 10ml	7,980	10,000	79,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A
	34	219	Entecavir	ENVIRAPC 0.5		VD3-41-20, Hiệu lực: 13/06/2023	0.5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2,392	3,000	7,176,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A
	35	541	Pregabalin	MAXXNEURO 150		VD-22113-15 (Công văn gia hạn: CV số 10080eQLD-DK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 30/05/2022	150mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1,120	40,000	44,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A

STT	STT trong hồ sơ xin đăng ký	Họ và tên	Tên hàng hóa dự kiến	Tên hàng hóa dự kiến sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Thuật ngữ	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gia trưng bày	Số lượng trưng bày	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
36	619	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	CADISAPAC 40/12.5		VD-31585-19, Hiệu lực: 27.02.2024	40mg + 12.5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên		752	25,000	18,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AMPHARCO U.S.A
37	37	Alfuzosin hydroclorid	Alisful S.R Tablets 10mg	Alisful S.R Tablets 10mg	VN-22539-20, Hiệu lực: 26.06.2025	10mg	Viên nén phồng thích kéo dài		Uống	Viên	2nd Plant, Standard Chem & Pharm. Co., Ltd.	Đài Loan	Hộp 3 vi x 10 viên		6,600	40,000	264,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN KHANG
38	81	Betahistine dihydrochloride	Betahistin 24 A.T		VD-32796-19, Hiệu lực: 01.08.2024	24mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên		364	200,000	72,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
39	99	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine A.T		VD-25652-16 (Công văn gia hạn: CV số 14135e-QLD-DK ngày 26/07/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 15.11.2022	4mg/5ml	Dung dịch uống	Chai 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai x 60 ml		8,820	1,500	13,230,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
40	198	Domperidon	A.T Domperidon		VD-26743-17, Hiệu lực: 22.06/2022	5mg/5ml	Hỗn dịch uống	Chai 30ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai 30 ml		4,788	1,500	7,182,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
41	335	Kẽm gluconat	A.T Zinc		VD-24740-16 (Công văn gia hạn: CV số 10472e-QLD-DK ngày 31/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 16/07/2022	10mg	Viên nén phân tán		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên		158	70,000	11,060,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
42	371	Lisinopril	A.T Lisinopril 5 mg		VD-34121-20, Hiệu lực: 15.06.2025	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên		243	4,500	1,093,500	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
43	433	Montelukast (dạng Montelukast natri)	Atliar sac		VD-28851-18, Hiệu lực: 22.02/2023	4mg	Thuốc cốm		Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 gói x 2g		1,680	10,000	16,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
44	438	Mupirocin	Atimupicin		VD-33402-19, Hiệu lực: 23/10.2024	100mg/5g	Kem bôi da	Tuýp 5g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 5g		35,000	1,800	63,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
45	448	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %		VD-32743-19, Hiệu lực: 01/07/2024	900mg	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai 1000ml		8,904	25,000	222,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
46	493	Olanzapine	A.T Olanzapine ODT 10 mg		VD-27792-17, Hiệu lực: 19/09/2022	10mg	Viên nén phân tán trong miệng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên		310	5,000	1,550,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
47	495	Omeprazol	Atimeton inj		VD-24136-16 (Công văn gia hạn: CV số 6131e-QLD-DK ngày 18/04/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 18/04.2022	40mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Nhà máy sản xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 3 lọ + 3 ống dung môi 10ml		6,195	10,000	61,950,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
48	638	Tobramycin	A.T Tobramycine inj		VD-25637-16 (Công văn gia hạn: CV số 14134e-QLD-DK ngày 26/07/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 15.11.2022	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2 ml		4,200	7,000	29,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
49	428	Mometason furoat	A.T Mometason furoate 0,1 %		VD-33422-21, Hiệu lực: 01.11/2026	0,1%	Kem bôi da	Tuýp 15g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g		59,850	1,000	59,850,000	NHÓM 5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN
50	435	Montelukast (dạng Montelukast natri)	Meyerlukast 5		VD-27414-17, Hiệu lực: 22.06/2022	5mg	Viên nén nhai		Uống	Viên	Công ty Liên Doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên		599	5,000	2,995,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH MỸ
51	48	Ambroxol (dạng Ambroxol HCl)	A.T Ambroxol		VD-24125-16 (Công văn gia hạn: CV số 6139e-QLD-DK ngày 18/04/2021 và duy trì hiệu lực DKLH), Hiệu lực: 18/04.2022	30mg/5ml	Dung dịch uống		Uống	Gói	Nhà Máy Sản Xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 gói x 5ml		1,470	25,000	36,750,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C
52	165	Desloratadin	A.T Desloratadin		VD-24131-16 (Công văn gia hạn: CV số 6134e-QLD-DK ngày 18/04/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 18/04.2022	2,5mg/5ml	Dung dịch uống	Chai 60ml	Uống	Chai	Nhà Máy Sản Xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai x 60ml		17,850	6,000	107,100,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C
53	47	Ambroxol hydroclorid	Drenesol		VN-21986-19, Hiệu lực: 16/04/2024	30mg/10ml	Siro uống		Uống	Ống	Laboratorios Vitoria, S.A	Portugal	Hộp 20 ống 10ml		8,900	30,000	267,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ ÁU VIỆT
54	35	Aescin (dạng natri aescinat)	Zynadex 40		VD-33897-19, Hiệu lực: 23/10/2024	40mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm- Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên		12,000	5,000	60,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ ÁU VIỆT
55	291	Glyceryl trinitrat	Nitralmyl 0,4		VD-34936-21, Hiệu lực: 24/02/2026	0,4mg	Viên nén đặt dưới lưỡi		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tân	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên		2,190	70,000	153,300,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ ÁU VIỆT
56	49	Ambroxol hydrochloride	Medovent 30mg		VN-17515-13 (Công văn gia hạn: CV số 493e-QLD-DK ngày 04/02/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 04/02/2022	30mg	Viên nén		Uống	Viên	MEDOCHEMIE LTD - CENTRAL FACTORY	Cyprus	Hộp 10 vi x 10 viên		1,600	80,000	128,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BACH NIÊN
57	84	Bezafibrat	Zafular		VN-19248-15 (Công văn gia hạn: CV số 665e-QLD-DK ngày 08/02/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 08/02.2022	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 5 vi x 10 viên		4,500	180,000	810,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BACH NIÊN
58	269	Gabapentin	Tebanrin 300mg		VN-17714-14 (Công văn gia hạn: CV số 8045e-QLD-DK ngày 14/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/05/2022	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Gedcon Richter Plc.	Hungary	Hộp 5 vi x 10 viên		4,500	150,000	675,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BACH NIÊN
59	564	Risperidone	Rileptid		VN-16750-13 (Công văn gia hạn: CV số 2098e-QLD-DK ngày 23/02/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 23/02/2022	2mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 6 vi x 10 viên		4,000	500	2,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BACH NIÊN
60	332	Potassium chloride	Kaldyum		VN-15428-12 (Công văn gia hạn: CV số 2102e-QLD-DK ngày 25/02/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 25.02.2022	600mg	Viên nang giải phóng chậm		Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 1 lọ 50 viên		2,100	3,000	6,300,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BACH NIÊN

STT	STT trong tài liệu	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nguồn sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị thuế	Số lượng trưng bày	Thành tiền	NHÓM TEXT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
61	74	Bacillus subtilis	Bacti-subti		QLSP-340-15 (Công văn gia hạn CV số 813/QĐ-ĐK ngày 14/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 14/05/2022	≥10 ⁸ CFU/500mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Vhcxn và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	2,900	180,000	522,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẠCH NIÊN
62	150	Clostrazol	Nocland		VN-21015-18, Hiệu lực: 27/03/2023	50mg	Viên nén		Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 4 vi x 14 viên	5,690	30,000	170,700,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
63	418	Metoprolol tartrate	Eglok		VN-18890-15 (Công văn gia hạn CV số 10330/QĐ-ĐK ngày 31/05/2021 và duy trì hiệu lực GDKLH), Hiệu lực: 31/05/2022	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 1 lo 60 viên	4,830	100,000	483,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
64	140	Cefazidim	Bicefidim 1g		VD-28222-17	1g	Thuốc tiêm bột pha tiêm		Tiêm	Lo	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lo	9,660	5,000	48,300,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
65	152	Ciprofloxacin (dạng Ciprofloxacin HCl)	Ciprofloxacin 0,3%		VD-19322-13 - KÉM CV GIA HẠN SỐ: 18508/QĐ-ĐK NGÀY 01/10/2018 - KÉM CV GIA HẠN SỐ: 15661/QĐ-ĐK NGÀY 12/09/2019 - KÉM CV GIA HẠN SỐ: 642E/QĐ-ĐK NGÀY 08/02/2021	15mg	Thuốc nhỏ tai	Lo 5ml	Nhỏ tai	Lo	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lo 5ml	2,027	100	202,700	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
66	355	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate)	Eyesacin		VD-28235-17	25mg	Thuốc nhỏ mắt	Lo 5ml	Nhỏ mắt	Lo	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lo x 5 ml	9,891	1,000	9,891,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
67	356	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate)	Bivexol LV 5mg/ml		VD-33728-19	5mg/ml	Dung dịch truyền	Chai 50ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 chai 50 ml	17,850	1,500	26,775,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
68	639	Tobramycin (dạng Tobramycin sulfate), Dexamethason natri phosphat	Tobidex		VD-28242-17	15mg + 5mg	Thuốc nhỏ mắt	Lo 5ml	Nhỏ mắt	Lo	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lo x 5ml	6,405	1,000	6,405,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
69	680	Vitamin B1; Vitamin B6; Vitamin B12	Neutrifore		VD-18935-13 - KÉM CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ: 9621/QĐ-ĐK, NGÀY 30/5/2018 - CV GIA HẠN SỐ: 5769/QĐ-ĐK NGÀY 17/4/2019 - CV GIA HẠN SỐ: 10873/QĐ-ĐK NGÀY 17/07/2020 - KÉM CV GIA HẠN SỐ: 12524E/QĐ-ĐK NGÀY 05/07/2021	250mg + 250mg + 1.000mcg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1,155	1,000	1,155,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
70	69	Atracurium besylat	Atracurium - Hameln 10mg/ml		VN-16645-13 (CV gia hạn số 901e/QĐ-ĐK ngày 14/02/2021)	25mg/ 2,5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm tĩnh mạch	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống x 2,5 ml	45,000	300	13,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC
71	608	Vancomycin hydrochloride	Vammybivids (Xuất xứ: Sanavita Pharmaceuticals GmbH & Co. KG - Straße 121 36396 Steinau an der Straße, Germany)	Vammybivids (Xuất xứ: Sanavita Pharmaceuticals GmbH & Co. KG - Lohstrasse 2, D- 59368 Werne, Đức)	VN-16649-13 (CV gia hạn số 1406e/QĐ-ĐK ngày 18/02/2021)	500mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lo	Thymorgan Pharmazie GmbH	Germany	Hộp 5 lo	61,950	2,000	123,900,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC
72	174	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection		VN-19414-15 (CV GIA HẠN SỐ 1233E/QĐ-ĐK NGÀY 17/02/2021)	10mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Lo	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	7,720	1,000	7,720,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
73	195	Dobutamin	Dobutamine-hameln 5mg/ml Injection		VN-16187-13 (CV GIA HẠN SỐ 8112E/QĐ-ĐK NGÀY 14/05/2021)	250mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Lo 50ml	Tiêm truyền	Lo	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 lo 50ml	144,900	200	28,980,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
74	249	Fentanyl	Fenilham		VN-17888-14 (CV GIA HẠN SỐ 1399E/QĐ-ĐK NGÀY 18/02/2021)	0,1mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	12,999	10,000	129,990,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
75	293	Glyceril trinitrat (Nitroglycerin)	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml		VN-18845-15 (CV GIA HẠN SỐ 906E/QĐ-ĐK NGÀY 14/02/2021)	10mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 10ml	80,283	500	40,141,500	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
76	316	Insulin người lớn (70/30)	Scilin M30 (30/70)		QLSP-895-15 (CV GIA HẠN SỐ 1084E/QĐ-ĐK NGÀY 17/2/2021)	100IU/ml	Hỗn dịch tiêm	Lo 10ml	Tiêm	Lo	Bioton S.A	Poland	Hộp 1 lo 10ml	58,500	100	5,850,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
77	415	Metoclopramid	Elitan		VN-19239-15 (CV GIA HẠN SỐ 1042E/QĐ-ĐK NGÀY 15/02/2021)	10mg	Dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch		Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml	14,200	3,000	42,600,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
78	443	Naloxon hydroclorid	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection		VN-17327-13 (CV GIA HẠN SỐ 907E/QĐ-ĐK NGÀY 14/02/2021)	0,4mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	43,995	50	2,199,750	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
79	643	Tramexamic acid	Medxamic 250mg/5ml		VN-20801-17	250mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống	11,288	6,000	67,728,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
80	137	Cefpodoxim	V-prox 100mg		VN-18096-14 (CV GIA HẠN SỐ 16554E/QĐ-ĐK NGÀY 14/09/2021)	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Zam Laboratories Limited	India	Hộp 1 vi x 10 viên	1,400	12,000	16,800,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
81	138	Cefpodoxim	V-prox 200mg		VN-18007-14 (CV GIA HẠN SỐ 16553E/QĐ-ĐK NGÀY 14/09/2021)	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Zam Laboratories Limited	India	Hộp 1 vi x 10 viên	2,600	5,000	13,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
82	21	Acid amin	Amiparen - 10		VD-15932-11 (CV GIA HẠN SỐ 5995E/QĐ-ĐK NGÀY 24/03/2021)	10%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 200ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 200ml	63,000	2,500	157,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

STT	STT trong tài liệu gốc	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
83	29	Acid amin cho bệnh nhân suy gan	Aminolehan		VD-27298-17	8%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 200ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 200ml	104,000	1,000	104,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
84	31	Acid amin cho bệnh nhân suy thận	Kidmin		VD-28287-17	7,2%	Dung dịch tiêm pha truyền tĩnh mạch	Chai 200ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 200ml	115,000	2,000	230,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
85	77	Beclometon dipropionat	Meclozone		VD-25904-16 (CV GIA HẠN SỐ 18356/QLD-DK NGÀY 18/11/2021)	50mcg/liều	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ 150 liều	Xịt mũi	Lọ	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	56,000	500	28,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
86	176	Diazepam	Diazepam 5mg		VD-24311-16 (CV GIA HẠN SỐ 6672/QLD-DK NGÀY 22/04/2021)	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidapha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	240	7,000	1,680,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
87	455	Natri clorid + Kali clorid + Monobasic kali phosphat + Natri acetat + Magnesi sulfat + Kẽm sulfat + Dextrose	Glucolyte -2		VD-25376-16 (CV GIA HẠN SỐ 12646/QLD-DK NGÀY 05/07/2021)	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 1,955g; Kali clorid 0,375g; Monobasic kali phosphat 0,68g; Natri acetat 3H ₂ O 0,68g; Magne sulfat 7H ₂ O 0,316g; Kẽm sulfat 7H ₂ O 5,76mg; Dextrose Anhydrous 37,5g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	17,000	500	8,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
88	544	Progesteron	Postcare 100		VD-24359-16	100mg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	5,300	1,000	5,300,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
89	563	Ringer lactat	Lactated Ringer's		VD-25377-16 (CV GIA HẠN SỐ 12645/QLD-DK NGÀY 05/07/2021)	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid 2H ₂ O 0.1g ; Kali clorid 0.15g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1.55g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	6,700	30,000	201,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
90	73	Bacillus clausii	Progermila		QSP-093-15 (CV gia hạn số 2346/QLD-DK ngày 01/3/2021)	2x10 ⁹ CFU	Hỗn dịch uống		Uống	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 40 ống x 5ml	5,400	40,000	218,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
91	223	Adrenalin (dạng Adrenalin tartrat)	Adrenaline-BFS 5mg		VD-27817-17	5mg/5ml	Dung dịch tiêm	Lọ 5ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 5ml	25,000	200	5,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
92	381	Magnesi aspartat (dạng Magnesi aspartat dihydrat) + Kali aspartat (dạng Kali hydrogen aspartat hemihydrat)	Kama-BFS		VD-28876-18	400mg + 452mg/ 10ml (33.7mg Mg + 163.3mg Kali/ 10ml)	Dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 10 ml	16,000	200	3,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
93	475	Nicardipin hydroclorid	BFS-Nicardipin		VD-28873-18	10mg/ 10ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 20 Lọ 10ml	84,000	100	8,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
94	478	Nimodipin	Nimovaso sol		VD-26126-17	30mg/10ml	Dung dịch uống		Uống	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml/ ống	15,750	2,000	31,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
95	480	Nor-adrenalin (dạng Nor-adrenalin tartrat 20mg)	BFS-Noradrenaline 10mg		VD-26771-17	10mg/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 10ml	145,000	500	72,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
96	532	Calci polystyren sulfonat	Kalira		VD-33992-20	5g	Bột pha hỗn dịch		Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 20 gói x 5g	14,700	500	7,350,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
97	550	Propranolol hydroclorid	Cardio-BFS		VD-31616-19	1mg/ ml	Dung dịch tiêm	Lọ 1ml	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 1 ml	25,000	500	12,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
98	275	Galanterin hydrobromid	Nivalin 5mg tablets		VN-22371-19	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Sopharma AD	Bulgaria	Hộp 1 vỉ x 20 viên	21,000	6,000	126,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
99	427	Mometason furoat	Eu-Fastmome 50 micrograms/ actuation		VN-21376-18	50 mcg/liều	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ xịt 60 liều	Xịt mũi	Lọ	Mipharm S.p.A	Ý	Hộp 1 lọ 10p (tương đương 60 liều xịt)	196,900	300	59,070,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
100	437	Moxiloxacin	Bluemoxi		VN-21370-18	400mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Bluepharma - Indústria Farmaceutica, S.A	Bồ Đào Nha	Hộp 1 vỉ x 7 viên	48,300	8,000	386,400,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
101	670	Vinopocetin	Vicetin		VN-22014-19	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Sopharma AD	Bulgaria	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3,990	20,000	79,800,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
102	624	Terbinafine	Terbislil 250 mg Tablets		VN-14091-11	250mg	Viên nén		Uống	Viên	Santa Farma Ilac Sanayi A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 4 vỉ x 7 viên	13,850	20,000	277,200,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
103	83	Betamethason + Dexamphetamin maleat	Dalexton-D		VD-34256-20	(3,75mg + 30mg) /75ml	Siro	Chai 75ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam	Hộp 1 chai 75ml	31,500	840	26,460,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
104	289	Glycerin	Emas		VD-20198-13 (CV gia hạn số 13596/QLD-DK ngày 18/7/2021)	120mg/12ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 12ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Việt Nam	Hộp 1 lọ 12ml	25,200	100	2,520,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
105	496	Omeprazole	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules		VN-22239-19	40mg	Viên nang kháng acid dạ dày		Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 1 lọ 28 viên	5,600	200,000	1,120,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG
106	605	Sucralfat	Sucrate gel		VN-13767-11 (CV GIA HẠN SỐ 19586/QLD-DK NGÀY 24/02/2021)	1g/5ml	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Laboratorio Italiano Biochimica Farmaceutica Lisapharma S.p.A	Italy	Hộp 30 gói 5ml	7,500	50,000	375,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG
107	179	Diclofenac	Elaria 100mg		VN-2001746 (CV gia hạn số 15723/QLD-DK ngày 03/9/2021)	100mg	Viên đạn đặt trực tràng		Đặt hậu môn	Viên	Medochemie Ltd - Cogols Facility	Cyprus	Hộp 2 vỉ x 5 viên	13,500	1,000	13,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT
108	326	Ibuprofen	Bixebra 5mg		VN-22877-21	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vỉ x 14 viên	8,250	10,000	82,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT
109	125	Carbomer	Liposic Eye gel		VN-15471-12 (CV gia hạn số 4008/QLD-DK ngày 25/3/2021)	0.2% (2mg/g)	Thuốc nhỏ mắt	Tuyp 10g	Nhỏ mắt	Tuyp	Dr. Gerhard Mann Chem-Pharm. Fabrik GmbH	Đức	Hộp 1 tuyp 10g	56,000	140	7,840,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DAN THANH
110	312	Indomethacin	Indocolytre		VN-12548-11 (CV gia hạn số 5957/QLD-DK ngày 10/4/2021)	0,1%	Thuốc nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Laboratoire Chauvin	Pháp	Hộp 1 lọ 5ml	68,000	2,000	136,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DAN THANH

STT	STT trong hồ sơ xin thuốc	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dương dùng	Dạng vj tình	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
111	353	Levocetirizin	Pollezin		VN-20506-17	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 2 vi x 7 viên	4,795	50,000	239,750,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐƯỢC PHẨM ĐÀ THẠNH
112	9	N-Acetyl-LDL-Leucin	Davertyl		VD-34628-20	500mg/5ml	Dạng dịch tiêm		Tiêm	Ông	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	12,000	3,000	36,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
113	161	Colchicin	Colchicin 1mg		VD-16781-12 (CV GIA HẠN SỐ 2484/QLD-DK ngày 02/3/2021)	1mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 vi x 20 viên	265	3,000	795,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
114	297	Haloperidol	Haloperidol 1,5mg		VD-24085-16 (CV GIA HẠN SỐ 7496/QLD-DK ngày 05/5/2021)	1,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 400 viên	105	5,000	525,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
115	298	Haloperidol	Haloperidol 2mg		VD-18188-13 (CV GIA HẠN SỐ 11315e/QLD-DK ngày 13/6/2021)	2mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 200 viên	99	5,000	495,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
116	350	Levetiracetam	Levipiram		VD-25092-16 (CV GIA HẠN SỐ 16142e/QLD-DK ngày 12/9/2021)	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	1,889	3,000	5,667,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
117	498	Papaverin hydroclorid	Papaverin 2%		VD-26681-17	40mg/2ml	Dạng dịch tiêm		Tiêm	Ông	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	2,300	800	1,840,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
118	524	Phenytan	Phenytan 100mg		VD-23433-15 (CV GIA HẠN SỐ 555e/QLD-DK ngày 05/02/2021)	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 100 viên	294	1,000	294,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
119	525	Vitamin K1	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-18191-13 (CV GIA HẠN SỐ 2051e/QLD-DK ngày 25/02/2021)	10mg/1ml	Dạng dịch tiêm	Ông 1ml	Tiêm	Ông	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	1,580	1,500	2,370,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
120	534	Povidone iodine	PVP-Iodine 10%		VD-10239-18	10,0g/100ml	Dạng dịch dùng ngoài	Lọ 20ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 20ml	2,900	100	290,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
121	535	Povidone iodine	PVP-Iodine 10%		VD-10239-18	10g/100ml	Dạng dịch dùng ngoài	Lọ 500ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Lọ 500ml	34,500	4,500	155,250,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
122	611	Sulpirid	Sulpirid 50mg		VD-26682-17	50mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 2 vi x 15 viên	110	20,000	2,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
123	270	Grabupentin	Leer 300		VD-22620-15 (Công văn gia hạn 10379e/QLD-DK). Hiệu lực: 29/06/2022	300mg	viên nang cứng		Uống	viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2,793	50,000	139,650,000	NHÓM 3	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẨM ĐÀ THẠNH
124	602	Spiramycin	Infecin 3M LU	Infecin 3 MLI	VD-22297-15 (Công văn gia hạn 10440e/QLD-DK). Hiệu lực: 01/09/2022	3MUI	Viên nén bao phim		Uống	viên	CÔNG TY CỔ PHẦN SPM	VIỆT NAM	Hộp 2 vi x 5 viên, 2 vi x 8 viên	7,000	5,000	35,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẨM ĐÀ THẠNH
125	420	Metronidazol + Neomycin + Nystatin	Neostyl		VD-22298-15 (Công văn gia hạn: 10839e/QLD-DK). Hiệu lực: 22/06/2022	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Viên nén đặt âm đạo		viên nén đặt âm đạo	viên	CÔNG TY CỔ PHẦN SPM	VIỆT NAM	Hộp 1 vi x 10 viên	2,500	6,000	15,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẨM ĐÀ THẠNH
126	585	Sắt sulfat + Folic acid	Enopid Fe Folic		VD-26649-13 (Công văn gia hạn: 7876e/QLD-DK). Hiệu lực: 14/05/2022	60mg Fe + 0,25mg	viên nang cứng		Uống	viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	800	50,000	40,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẨM ĐÀ THẠNH
127	515	Perindopril (dạng dạng Perindopril teri-butylamin 8mg) 6,68 mg; Indapamide 2,5 mg	Prenewel 8mg/2,5mg Tablets		VN-21714-19, Hiệu lực: 20/03/2024	8mg + 2,5mg	Viên nén		Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vi x 10 viên	9,450	50,000	472,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NHẬP KHẨU ĐƯỢC ĐỒNG NAM A
128	100	Bromhexan hydroclorid	Bromhexine A.T		VD-25652-16 (Công văn gia hạn: 14135e/QLD-DK). Hiệu lực: 15/11/2022	4mg/5ml	Dạng dịch uống	Ông 10ml	Uống	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống x 10ml	3,990	10,000	39,900,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NHẬP KHẨU ĐƯỢC ĐỒNG NAM A
129	44	Chymotrypsin (tương đương 4200 USP unit)	AlphaDHG		VD-20546-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 8074e/QLD-DK). Hiệu lực: 14/05/2022	21 microkatal	viên nén		Uống	viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chủ nhân nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 2 vi x 10 viên	669	50,000	33,450,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
130	254	Fexofenadin hydroclorid	Telfor 60		VD-26604-17, Hiệu lực: 06/02/2022	60mg	viên nén bao phim		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 2 vi x 10 viên	790	20,000	15,800,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
131	279	Glimepiride	Glumerif 2		VD-21780-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 1536e/QLD-DK). Hiệu lực: 20/02/2022	2mg	viên nén		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	1,440	40,000	57,600,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
132	281	Glimepiride	Glumerif 4		VD-22032-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 1221e/QLD-DK). Hiệu lực: 17/02/2022	4mg	viên nén		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	1,130	5,000	5,650,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
133	358	Levofloxacin (dạng dạng Levofloxacin hemihydrat)	LevoDHG 750		VD-30251-18, Hiệu lực: 05/07/2023	750mg	viên nén bao phim		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 2 vi x 7 viên	4,680	10,000	46,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
134	397	Metformin hydroclorid	Glumeform 1000 XR		VD-33537-22, Hiệu lực: 05/01/2027	1000mg	Viên nén giải phóng kéo dài		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	1,700	100,000	170,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
135	434	Montelukast (dạng dạng Montelukast natri)	Molukat 4		VD-33303-19, Hiệu lực: 23/19/2024	4mg	Viên nén nhai		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	1,200	5,000	6,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
136	457	Natri clorid + Natri citrat dihydrat + Kali clorid + Glucose khan	Oresol 245		VD-22037-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 1214e/QLD-DK). Hiệu lực: 17/02/2022	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	thuốc bột		Uống	gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 20 gói x 4,1g	805	10,000	8,050,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
137	98	Bromhexan hydroclorid	BROMHEXIN 4	Bromhexin 4mg	VD-29640-18, Hiệu lực: 27/03/2023	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 10vi x 20 viên	53	30,000	1,590,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
138	183	Digoxin	DIGOXINEQUALY		VD-31550-19, Hiệu lực: 27/02/2024	0,25mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1vi x 30viên	630	3,000	1,890,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
139	487	Nystatin	NYSTATIN 25000IU	Nystatin 25000 IU	VD-18210-13 (Công văn gia hạn: 11036e/QLD-DK). Hiệu lực: 17/02/2022	25.000IU	Thuốc bột ra miệng		Thuốc bột ra miệng	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 20gói x 1gam	980	500	490,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
140	626	Môi 10ml dung dịch chứa: Tetracain hydroclorid 50mg	TETRACAIN 0,5%		VD-31558-19, Hiệu lực: 27/02/2024	50mg	Dạng dịch nhỏ mắt	Chai 10ml	Nhỏ mắt	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1 chai 10ml	15,015	100	1,501,500	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
141	261	Môi liều xịt chứa Fluticasone propionate 50mg	Flusort		VN-18096-15 (Công văn gia hạn: 10903f/QLD-DK). Hiệu lực: 06/06/2022	0,05%	Thuốc xịt mũi	Bình xịt 120 liều	Xịt mũi	Bình	Glenmark Pharmaceuticals Ltd	An Độ	Hộp 1 bình xịt 120 liều	133,380	1,200	160,056,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐƯỢC PHẨM PVN

STT	STT trong hồ sơ nội thất	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK, loại số GPNK	Dạng bao bì	Dạng trình bày	Dạng đóng gói	Dạng vị	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trung bình	Số lượng trung bình	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
142	409	Methocarbamol	Kesera Tab. 750 mg		VN-19870-16 (Công văn gia hạn: 14944eQLD-DK), Hiệu lực: 15/08/2022	750mg	Viên nén		Uống	Viên	Korea Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4,000	120,000	480,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐƯỢC SÀI GÒN	
143	32	Acid tiaprofenic	Sunigam 100		VD-28964-18, Hiệu lực: 22/02/2023	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4,900	80,000	392,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐƯỢC SÀI GÒN	
144	33	Acid Tiaprofenic	Sunigam 300		VD-30405-18, Hiệu lực: 05/07/2023	300mg	viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	9,800	50,000	490,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐƯỢC SÀI GÒN	
145	66	Pancreatin 170mg (tương ứng với 238 IU Protease, 3400IU Lipase, 4080 IU Amylase)	Pancreas		VD-25370-16 (Công văn gia hạn: 14092eQLD-DK), Hiệu lực: 26/07/2022	4080IU + 3400IU + 238IU	Viên nén bao tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3,000	200,000	600,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐƯỢC SÀI GÒN	
146	259	Fluocinolone acetonid	Flucort		VN-16771-13 (Công văn gia hạn: 11135eQLD-DK), Hiệu lực: 17/02/2022	0,025%	Kem	Tuýp 15g	Dùng ngoài	Tuýp	Glennmark Pharmaceuticals Ltd.	An Độ	Hộp 1 tuýp 15g	22,000	1,000	22,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐƯỢC SÀI GÒN	
147	13	Acid Acetylsalicylic	CAMZITOL		VN-22015-19, Hiệu lực: 24/07/2024	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Farmalabor - Produtos Farmaceuticos, S.A (Fab.)	Bồ Đào Nha	Hộp 6 vỉ x10 viên	2,930	3,000	8,790,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
148	52	Amitriptylin HCl	EUROPLIN	Euoplín 25mg	VN-20472-17, Hiệu lực: 08/06/2022	25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	S.C. Arena Group S.A	Romania	Hộp 5 vỉ x 10 viên	4,200	20,000	84,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
149	168	Dexamethason phosphat (Dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 4mg/ml, tương đương Dexamethason 3,3mg/ml	DEPAXAN		VN-21697-19, Hiệu lực: 20/03/2024	4mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	S.C. Rompharm Company S.r.l	Rumania	Hộp 10 ống x 1ml	24,000	1,000	24,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
150	187	Diltiazem hydroclorid	EUROZITUM 60 MG	Eurozium 60mg	VN-16697-13 (CÔNG VĂN GIA HẠN VISA 12 THÁNG TỪ NGÀY 23/03/2021 ĐẾN 23/03/2022) (Công văn gia hạn: cv 3805eQLD-DK-VV DUY TRI HIỆU LỰC GIẤY DK), Hiệu lực: 23/03/2022	60mg	Viên nén		Uống	Viên	S.C. Arena Group S.A	Romania	Hộp 5 vỉ x 10 viên	1,600	10,000	16,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
151	256	Fluconazol	FUNGOCAP 200MG CAPSULES; HARD	Fungocap 200mg capsules, hard	VN-21828-19, Hiệu lực: 20/03/2024	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	Hộp 3 vỉ x 10 viên	41,000	500	20,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
152	422	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	MIDAZOLAM - HAMELN 5MG/ML	Midazolam-hameln 5mg/ml	VN-16993-13 (Công văn gia hạn: 1234eQLD-DK-vv duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 17/02/2022	5mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm tĩnh mạch	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 1ml	18,900	7,000	132,300,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
153	111	Calcigluconate	GROWPONE 10%		VN-16410-13 (CÔNG VĂN GIA HẠN VISA 12 THÁNG TỪ NGÀY 16/04/2020 ĐẾN 16/04/2021)	10% 10ml	Dung dịch tiêm		Ống 10ml	Tiêm	Ống	Farmak JSC	Ukraine	Hộp 10 ống	13,300	500	6,650,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN
154	40	Alfuzosin HCL	GOURCUFF-5		VD-28912-18, Hiệu lực: 22/02/2023	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	5,000	150,000	750,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
155	41	Mỗi 5ml chứa: Alimemazin tartrat 2,5mg	ATILENE		VD-26754-17, Hiệu lực: 22/06/2022	2,5mg/5ml	Dung dịch uống	Gói 5ml	Uống	Ống	Công ty CPDP An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống x 5ml	2,625	100,000	262,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
156	62	Mỗi gói 3,8g chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg; Clavulanic acid (dưới dạng Kali clavulanat/sodium) 125mg	AUCLANITYL 500MG/125MG		VD-34739-20, Hiệu lực: 21/12/2025	500mg/125mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Hộp 12, 20 gói x 3,8g	7,800	15,000	117,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
157	131	Mỗi gói 2,5g chứa: Cefdinir 100 mg	HAPUDINI		VD-32360-19, Hiệu lực: 27/03/2023	100mg	thuốc bột pha hỗn dịch		Uống	Gói	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 14 gói x 2,5g	5,200	1,000	5,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
158	148	Cilnidapin	ESSEIL-10		VD-28904-18, Hiệu lực: 22/02/2023	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	5,800	150,000	870,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
159	149	Cilnidapin	ESSEIL-5		VD-28905-18, Hiệu lực: 22/02/2023	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3,500	100,000	350,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
160	424	Mifepristone (dạng micronised)	MIFE 200		QLDĐ-490-18 (Công văn gia hạn: 7994E-QLD-DK), Hiệu lực: 14/05/2022	200mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 1 viên	50,000	600	30,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
161	426	Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion)	HERAPROSTOL		VD-29544-18, Hiệu lực: 22/02/2023	200mcg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3,420	3,000	10,260,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
162	466	Neomycin sulfat	NEOCIN		VD-12812-10	25mg	Thuốc nhỏ mắt	Chai 5ml	Nhỏ mắt	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Chai 5ml	2,944	300	883,200	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
163	537	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Povidon iod 20g	POVIDINE 4%		VD-31645-19, Hiệu lực: 27/02/2024	20g/500ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Chai 500ml	39,984	2,000	79,968,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
164	538	Povidon iod	POVIDINE		VD-17906-12 (Công văn gia hạn: 10917eQLD-DK), Hiệu lực: 06/06/2022	1g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 20ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	Chai 20ml	6,378	120	765,360	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
165	566	Rivaroxaban 10mg	RIVARELTA		VD-35258-21, Hiệu lực: 23/06/2026	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Hộp 03 vỉ x 10 viên	18,000	5,000	90,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
166	614	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	CHAMCROMUS 0,03%		VD-26293-17, Hiệu lực: 06/02/2022	Mỗi 5g chứa Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat) 1,5 mg - 1,5 mg	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp 10g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	52,000	1,000	52,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
167	615	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	CHAMCROMUS 0,1%		VD-26294-17, Hiệu lực: 06/02/2022	Mỗi 5g chứa Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp 10g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	73,000	1,000	73,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
168	678	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) 100mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 200mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 200mcg	QUAFANEURO		VD-31156-18, Hiệu lực: 08/10/2023	100mg, 200mg, 200mcg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP Quang Bình	Việt Nam	Hộp 1 túi 10 vỉ x 10 viên	660	50,000	33,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	
169	333	Kẽm gluconat	ZinC 15		VD-27425-17	105mg (15mg Kẽm)	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Hộp/30 gói	4,500	100,000	450,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH EFFORTS PHARMA	
170	218	Entecavir	Tonion-0,5		VD-1444-20	0,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	13,500	5,000	67,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH ERA PHARMA	

STT	STT trong hồ sơ mới của	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNN	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dương tính	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gia trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TUCT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
171	488	Oxetretinoid (dưới dạng oxetretinoid acetate)	ASOCT		VN-19604-16 (Công văn gia hạn: CV 12108/QLD-DK NGÀY 28/06/2022)	0,1mg/ml	Dạng dịch tiêm	Ông 1ml	Tiêm	Ông	GP-Pharm, S.A.	Spain	Hộp 5 ống x 1ml	83,200	200	16,640,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE
172	526	Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri)	PIPERACILLIN 2G		VD-26851-17, Hiệu lực: 22/06/2022	2g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lo	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	67,490	1,600	67,490,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE
173	369	Lisinopril	LISINOPRIL STELLA 10MG		VD-21533-14 (CV GIA HẠN SỐ 1300/QLD-DK NGÀY 12/02/2021)	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp/10 vỉ x 10 viên	2,200	50,000	110,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
174	527	Pracetam	PRACETAM 1200		VD-18336-13 (CV GIA HẠN SỐ 6163/QLD-DK NGÀY 19/04/2021)	1200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp/10 vỉ x 10 viên	2,100	20,000	42,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
175	2	Acarbose	SAVI ACARBOSE 25		VD-28030-17	25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI	Việt Nam	Hộp/10 vỉ x 10 viên	1,750	50,000	87,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
176	104	Calci carbonat + Calci gluconolat	CALCIUM STELLA 500MG		VD-27518-17	300mg + 2.940mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp/1 tuýp x 20 viên	3,500	30,000	105,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
177	132	Cefdinir	IMENIR 125 MG		VD-27893-17	125mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp/12 gói x 2g	12,000	5,000	60,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
178	190	Diosmin	ISALAS		VD-28464-17	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/6 vỉ x 10 viên	5,000	150,000	750,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
179	382	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd gel	ALUMASTAD		VD-34904-20	400mg + 400mg	Viên nhai		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp/4 vỉ x 10 viên	1,890	50,000	94,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
180	565	Rivaroxaban	XELOSTAD 10		VD-33894-19	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp/3 vỉ x 10 viên	35,000	20,000	700,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
181	683	Vitamin C	VITAMIN C STELLA 1G		VD-25486-16 (CV GIA HẠN SỐ 8714E/QLD-DK NGÀY 26/05/2021)	1000mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp/4 vỉ x 4 viên	1,900	70,000	133,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
182	258	Flunarizin	MIRENZINE 5		VD-28091-18, Hiệu lực: 22/02/2023	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Mc Di Sun	Việt Nam	Hộp/10 vỉ x 10 viên	1,250	30,000	37,500,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
183	560	Rebamipid	AVITE		VD-20520-14 (CV GIA HẠN SỐ 6171E/QLD-DK NGÀY 19/04/2021)	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/6 vỉ x 10 viên	2,800	200,000	560,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
184	75	Bacillus subtilis	DOMUVAR		QLSP-002-15 (CV GIA HẠN SỐ 2343E/QLD-DK NGÀY 01/03/2021)	2x10 ⁹ CFU	Hỗn dịch uống		Uống	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp/8 vỉ x 5 ống nhựa x 5ml	5,500	100,000	550,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
185	352	Levocetirizin	ACRITEL-10		VD-28899-18	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/6 vỉ x 10 viên	2,990	50,000	149,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
186	384	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + Simethicon	LAHM		VD-20361-13 (CV GIA HẠN SỐ 509E/QLD-DK NGÀY 05/02/2021)	(800mg + 611,76mg + 80mg)/15g	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/20 gói x 15g	3,250	50,000	162,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
187	501	Paracetamol (Acetaminophen)	BABEMOL		VD-21255-14 (CV GIA HẠN SỐ 2476E/QLD-DK NGÀY 01/03/2021)	120mg/5ml	Siro		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp/30 gói x 5ml	1,800	2,000	3,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
188	579	Sắt (III) hydroxyd polymaliose + Acid folic	IRONKEY		VD-26789-17	100mg Fe + 0,35mg	Viên nén nhai		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Việt Nam	Hộp/3 vỉ x 10 viên	5,300	50,000	265,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
189	628	Thiamazol	GLOCKNER-10		VD-23920-15 (CV GIA HẠN SỐ 2895E/QLD-DK NGÀY 10/03/2021)	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/10 vỉ x 10 viên	555	4,000	2,220,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
190	655	Trimebutin maleat	DECOLIC		VD-19304-13 (CV GIA HẠN SỐ 18532E/QLD-DK NGÀY 18/11/2021)	24mg	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm S/2	Việt Nam	Hộp/20 gói x 1,15g	2,100	20,000	42,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
191	685	Vitamin C	A.T ASCORBIC Syrup		VD-25624-16 (CV GIA HẠN SỐ 14139E/QLD-DK NGÀY 26/07/2021)	100mg	Dạng dịch uống	Ông 5ml	Uống	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp/30 ống nhựa x 5ml	2,700	10,000	27,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
192	80	Betahistin dihydrochlorid	Divaserc		VD-30339-18, Hiệu lực: 05/07/2023	24mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1,700	270,000	459,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-ĐẦU TƯ- XUẤT NHẬP KHẨU H.P.CAT
193	191	Diosmin	Biviven		VD-31013-18, Hiệu lực: 08/10/2023	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	5,000	80,000	400,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-ĐẦU TƯ- XUẤT NHẬP KHẨU H.P.CAT
194	388	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	Apigel-Plus		VD-33983-20, Hiệu lực: 15/06/2025	800mg + 800mg + 80mg	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty Cổ Phần Dược Apimed	Việt Nam	Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói x 10 ml	4,100	50,000	205,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-ĐẦU TƯ- XUẤT NHẬP KHẨU H.P.CAT
195	442	Acetylcystein	Phabalysis 600		VD-33598-19, Hiệu lực: 23/10/2024	600mg	Thuốc bột uống		Uống	Gói	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung ương 1 - Pharmaco	Việt Nam	Hộp 30 gói x 2g	4,500	10,000	45,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-ĐẦU TƯ- XUẤT NHẬP KHẨU H.P.CAT
196	606	Sucralfat	Sucralfate		VD-29187-18, Hiệu lực: 22/02/2023	1g	Viên nén		Uống	Viên	Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidapha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	985	50,000	49,250,000	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-ĐẦU TƯ- XUẤT NHẬP KHẨU H.P.CAT
197	15	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat) + Acid acetylsalicylic	Duoplatin		VN-22466-19, Hiệu lực: 23/10/2024	75mg + 100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	20,828	10,000	208,280,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DƯỢC
198	38	Alfuzosin HCL	Xatral XL 10mg		VN-22467-19, Hiệu lực: 23/10/2024	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài		Uống	Viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 1 vỉ x 30 viên	15,291	10,000	152,910,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DƯỢC
199	51	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17, Hiệu lực: 19/09/2022	150mg/3ml	Dạng dịch tiêm		Tiêm tĩnh mạch	Ông	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 6 ống x 3ml	30,048	200	6,009,600	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DƯỢC
200	274	Acid Gadoteric	Dotarem		VN-15929-12 (Công văn gia hạn số 2130e/QLD-DK ngày 23/02/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 2130e/QLD-DK ngày 25/02/2021) và dự trữ hiệu lực, giá, đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 25/02/2022	0,5mmol/ ml (27,932g/100ml)	Dạng dịch tiêm	Lo 10ml	Tiêm	Lo	Guerbet	Pháp	Hộp 1 lọ thủy tinh 10ml	520,000	500	260,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DƯỢC

STT	STT trong tài liệu nguồn	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gia trung thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
201	491	Olanzapin	Zofaren		VN-19298-15 (Công văn gia hạn: 5294eQLD-DK, Hiệu lực: 12/04/2022)	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	Hộp 4 vi x 7 viên	3,000	5,000	15,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
202	126	Carvedilol	Peruzi 12,5		VD-31090-18, Hiệu lực: 08/10/2023	12,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	925	6,000	5,550,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
203	211	Dutasterid	Dryches		VD-28454-17, Hiệu lực: 19/09/2022	0,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	11,500	50,000	575,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
204	220	Epersion HCl	Ryzonal		VD-27451-17, Hiệu lực: 22/06/2022	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	616	200,000	123,200,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
205	225	Epruzinon dihydroclorid	Ezatur		VD-22320-15 (Công văn gia hạn số 10047eQLD-DK ngày 30/05/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 10047eQLD-DK ngày 30/05/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 30/05/2022	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	900	12,000	10,800,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
206	306	Imidapril hydroclorid	Wright-F		VD-28488-17, Hiệu lực: 19/09/2022	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	4,300	5,000	21,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
207	308	Imidapril HCl	Wright		VD-20530-14 (Công văn gia hạn số 10508eQLD-DK ngày 31/05/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 10508eQLD-DK ngày 31/05/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 31/05/2022	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	2,500	15,000	37,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
208	479	Nizatidin	Kagawas-150		VD-30342-18, Hiệu lực: 05/07/2023	150mg	Viên nang cứng (vàng - nâu)		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	3,400	300,000	1,020,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
209	492	Olanzapin	Zapnex-10		VD-27456-17, Hiệu lực: 22/06/2022	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 6 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	580	5,000	2,900,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
210	553	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	Queitor-200		VD-19667-13 (Công văn gia hạn: 825EQLD-DK, Hiệu lực: 09/02/2022)	200mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 4 vi x 7 viên	12,500	500	6,250,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
211	562	Repaglinid	Eurolex-1		VD-28906-18, Hiệu lực: 22/02/2023	1mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	3,000	20,000	60,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
212	620	Tenofovir disoproxil fumarat	Jimenez		VD-30341-18, Hiệu lực: 05/07/2023	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	3,630	40,000	145,200,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
213	296	Guasazulen + Dimethicon	Gebhart		VD-27437-17, Hiệu lực: 22/06/2022	4mg + 3000mg	Gel uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 30 gói x 10g	4,000	25,000	100,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
214	429	Mometason furoat	MONITAZONE NASAL SPRAY		VN-20294-17, Hiệu lực: 20/02/2022	50mcg/hiệu xịt	Thuốc xịt mũi	Lo 140 liều	Xịt mũi	Lo	Sanchundang Pharm Co.,Ltd	Hàn Quốc	Hộp 1 lọ 140 liều xịt	177,500	1,000	177,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH HỒNG PHƯỚC BẢO
215	11	N - acetyl - dl - leucin	Gikanin		VD-22909-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 522eQLD-DK ngày 05/02/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 05/02/2022	500mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 50 vi x 10 viên	414	100,000	41,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
216	42	Alimemazin (dưới dạng Alimemazin tartrat)	Theitzin		VD-24788-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 13096eQLD-DK ngày 07/07/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 15/07/2022	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 500 viên	86	15,000	1,290,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
217	53	Amitriptylin hydroclorid	Amitriptylin		VD-26865-17, Hiệu lực: 22/06/2022	25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 500 viên	113	20,000	2,260,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
218	78	Bethahistine dihydrochloride	Bethastin		VD-34690-20, Hiệu lực: 21/12/2025	16mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 25 viên	184	100,000	18,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
219	91	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol		VD-22474-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 10385eQLD-DK ngày 31/05/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 29/06/2022	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	154	100,000	15,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
220	143	Celecoxib	Celecoxib		VD-33466-19, Hiệu lực: 23/10/2024	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 500 viên	337	50,000	16,850,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
221	147	Chlorpheniramin maleat	Chlorpheniramin 4mg		VD-34186-20, Hiệu lực: 15/06/2025	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	37	20,000	740,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
222	157	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	Tunadimet		VD-27922-17, Hiệu lực: 19/09/2022	75mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	297	55,000	16,335,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
223	203	Drotaverin hydroclorid	Drotaverin		VD-25706-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 14100eQLD-DK ngày 29/07/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 15/11/2022	40mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	166	30,000	4,980,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
224	234	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazole magnesium (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	Esomeprazol 20mg		VD-33458-19	20mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	253	300,000	75,900,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA



STT	STT trong hồ sơ xuất khẩu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GP/PSK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
225	253	Fexofenadin hydrochlorid	Fefadin 180		VD-32849-19, Hiệu lực: 01/08/2024	180mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	631	50,000	31,550,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
226	361	Levosulpirid	Levosulpirid 50		VD-34694-20, Hiệu lực: 21/12/2025	50mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1,945	5,000	9,725,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
227	377	Losartan kali	Losartan		VD-22912-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 688/QLD-DK ngày 08/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 08/02/2022	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	210	50,000	10,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
228	616	Telmisartan	Telmisartan		VD-35197-21, Hiệu lực: 23/06/2026	40mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	297	60,000	17,820,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
229	632	Thiocolchicosid	Lacitromyl 4mg		VD-35017-21, Hiệu lực: 03/06/2026	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 15 viên	908	40,000	36,320,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
230	657	Trimetazidin dihydroclorid	Hisedan		VD-18742-13 (Công văn gia hạn: Quyết định số 132/QĐ-QLD ngày 22/03/2021 và Ban hành danh mục 06 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Dạng 168.2), Hiệu lực: 22/03/2026	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 20 viên	105	400,000	42,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
231	677	Thiamin nitrat (Vitamin B1)	Vitamin B1		VD-26869-17, Hiệu lực: 22/06/2022	250mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	271	50,000	13,550,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
232	346	Lamivudin	Lamone 100		VD-21099-14 (Cá công văn gia hạn) (Công văn gia hạn: Công văn số 1816/QLD-DK ngày 23/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 23/02/2022	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2,100	5,000	10,500,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY
233	587	Sertraline (dưới dạng Sertraline hydrochloride 55.95mg)	Lexostad 50		VD-34907-20, Hiệu lực: 21/12/2025	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 vi x 30 viên	2,600	2,000	5,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY
234	134	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri)	Medocel 1g		VN-22168-19	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 50 lọ	54,000	2,000	108,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ
235	172	Diaceirin	Artrell		VD-28445-17, Hiệu lực: 19/09/2022	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	2,100	50,000	105,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA
236	108	Calci glucoheptonat + Vitamin D3	Letbaby		VD-22880-15 (Công văn gia hạn: 571e/QLD-DK), Hiệu lực: 06/02/2022	1100mg + 400UI	Dung dịch uống		Uống	Ông	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml	6,799	50,000	339,950,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA
237	109	Calci glucoheptonat + Vitamin D3	Letbaby		VD-22880-15 (Công văn gia hạn: 571e/QLD-DK), Hiệu lực: 06/02/2022	550mg + 200UI	Dung dịch uống		Uống	Ông	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 20 ống x 5ml	3,679	120,000	441,480,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA
238	110	Calci glucoheptonat + Vitamin D3	Letbaby		VD-22880-15 (Công văn gia hạn: 571e/QLD-DK), Hiệu lực: 06/02/2022	6.6g + 2400 UI/60ml	Dung dịch uống	Chai 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	50,999	3,000	152,997,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA
239	336	Kẽm gluconat	Zinbebe		VD-22887-15 (Công văn gia hạn: 1578e/QLD-DK), Hiệu lực: 21/02/2022	10mg Kẽm/5ml	Siro	Lọ 50ml	Uống	Lọ	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 1 lọ 50ml	24,999	3,000	74,997,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA
240	630	Thiamazol	Thiamazol 5mg		VD-26437-17, Hiệu lực: 06/02/2022	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Sinh Học Dược Phẩm Bà Đình	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	462	50,000	23,100,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA
241	681	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	Obilbebe		VD-21297-14 (Công văn gia hạn: 375e/QLD-DK), Hiệu lực: 04/02/2022	5mg + 470mg/10ml	Dung dịch uống		Uống	Ông	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 4 vi x 5 ống 10ml	4,079	150,000	611,850,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA
242	484	Nước cất pha tiêm	Nước vô khuẩn MKP		VD-29329-18		Dung dịch pha tiêm	Chai 1000ml, nắp bật nhựa	Dung dịch pha tiêm	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 1000ml	16,800	4,000	67,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
243	600	Sorbitol	Sorbitol 3,3%		VD-30686-18	Mỗi 1000ml chứa: Sorbitol 33g	Dung dịch rửa vô khuẩn	Chai 1000ml	Dung dịch rửa	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 1000ml	23,625	1,000	23,625,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
244	686	Acid ascorbic (dưới dạng natri ascorbat)	Cesyrup		VD-20314-13 (KÈM CV SỐ 11453e/QLD-DK, NGÀY 14/06/2021)	600mg/30ml	Sirô	Chai 30ml	Uống	Chai	Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 1 chai 30ml	10,050	6,000	60,300,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
245	133	Cefixim	Cefixime 100mg		VD-32524-19, Hiệu lực: 20/03/2024	100mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch		Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 gói x 1,4g	963	1,000	963,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
246	357	Levofloxacin (Dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Levofloxacin 500mg/20ml		VD-33494-19, Hiệu lực: 23/10/2024	500mg/20ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 5 ống x 20ml, Hộp 10 ống x 20ml	15,060	3,000	45,180,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
247	449	Natri clorid	Natri clorid 0,9%		VD-22949-15 (CV gia hạn số 2663e/QLD-DK ngày 02/03/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 12663e/QLD-DK ngày 02/03/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 02/03/2022	0,9% 10ml	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Lọ 10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 lọ 10ml	1,320	12,000	15,840,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
248	469	Netilmicin (dưới dạng Netilmicin sulfat)	Netilmicin 300mg/3ml		VD-25727-16, Hiệu lực: 15/11/2021	300mg/3ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 3ml	95,500	1,000	95,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
249	489	Ofloxacin 0,3%	Ofloxacin 0,3%		VD-23602-15 (CV gia hạn số 3304e/QLD-DK ngày 12/03/2021), Hiệu lực: 12/03/2022	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 lọ 5ml	2,200	100	220,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
250	636	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Tobramycin 0,3%		VD-27954-17, Hiệu lực: 19/09/2022	15mg/5ml	Thuốc nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 lọ 5ml	2,760	1,000	2,760,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN
251	574	Rupatadin	ZEALARGY		VN-20664-17, Hiệu lực: 19/09/2022	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Limited	India	Hộp 3 vi x 10 viên	5,900	100,000	590,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH KHANG

STT	STT trong hồ sơ xuất khẩu	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dạng đóng gói	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gia trị trung bình	Số lượng trung bình	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
252	555	Rabeprazol	RABICAD 20		VN-19969-13 (CV gia hạn 7806/QLD-DK ngày 08/02/2023, Hiệu lực: 08/02/2022)	20mg	Viên nén bao tan trong ruột		Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	India	Hộp lớn chứa 10 hộp nhỏ x 1 vi x 10 viên	8,000	200,000	1,600,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐƯỢC PHẨM MINH KHANG
253	178	Diclofenac natri (dưới dạng diclofenac diethylamin)	DICLOFEN GEL		VN-21602-18	1%	Gel bôi ngoài da	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Fourts Laboratories Pvt. Ltd	India	Hộp 1 tuýp 30g	31,500	10,000	315,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐƯỢC PHẨM MINH KHANG
254	389	Magnesi hydroxide + Aluminum hydroxide + Simethicone	SILOXOGENE		VN-9364-09 (CV gia hạn số 17198e/QLD-DK ngày 26/09/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 17198e/QLD-DK ngày 26/09/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 26/09/2022	150mg + 300mg + 40mg	Viên nén		Uống	Viên nén	RPG Lifesciences Ltd	India	Hộp 10 vi x 10 viên	3,000	150,000	450,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐƯỢC PHẨM MINH KHANG
255	392	Mecobalamin	Methylcobalamin Capsules 1500mcg		VN-22120-19, Hiệu lực: 24/07/2024	1500mcg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Softgel Healthcare Pvt., Ltd.	Ấn Độ	Hộp 3 vi x 10 viên	6,405	50,000	320,250,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
256	617	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Telmisartan 80mg and hydrochlorothiazid 25mg		VN-22763-21, Hiệu lực: 20/04/2026	80mg + 25mg	Viên nén		Uống	Viên	Everton Life Sciences Limited	Ấn Độ	Hộp 3 vi x 10 viên	9,240	60,000	554,400,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
257	374	Losartan kali	Bivatanpo 100		VD-31444-19, Hiệu lực: 27/02/2024	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 3 vi (nhóm PVC/PVAC) x 10 viên, 3 vi (nhóm-nhóm) x 10 viên	4,410	150,000	661,500,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
258	542	Pregabalin	Ausvair 75		VD-30928-18, Hiệu lực: 01/11/2023	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	6,195	120,000	743,400,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
259	58	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể tỷ lệ 1:1)	Iba-Mentin 1000mg/62,5mg		VD-28065-17, Hiệu lực: 19/09/2022	1000mg + 62,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharmaco	Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên	15,981	200,000	3,196,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
260	105	Calcii carbonat + Calcii lactat gluconolactat	Powerforte		VD-19612-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 912e/QLD-DK ngày 14/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 14/02/2022	350mg + 3500mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Tuýp 20 viên	3,900	120,000	468,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
261	271	Gabapentin	Leer plus		VD-25406-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 15779e/QLD-DK ngày 05/09/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	300mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên, hộp 4 vi x 4 viên	5,500	70,000	385,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
262	283	Glucosamin sulfat	Mingor 750		VD-20052-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 7867e/QLD-DK ngày 14/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 14/05/2022	750mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	4,494	100,000	449,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
263	386	Magnesi hydroxyd (dạng gel khô) + nhôm hydroxyd + Simethicon	Digazo		VD-31443-19, Hiệu lực: 27/02/2024	400mg + 400mg + 40mg	Viên nén nhai		Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	3,300	100,000	330,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
264	530	Piracetam	Lifecita 800 DT		VD-33595-19, Hiệu lực: 23/10/2024	800mg	Viên nén phân tán		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharmaco	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	4,700	100,000	470,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
265	679	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochlorid) + Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	Vitamin 3B-PV		VD-29922-18	100mg + 50mg + 500mcg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1,500	200,000	300,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
266	232	rHu Erythropoietin beta	Betahema		QLSP-1145-19, Hiệu lực: 23/07/2024	2000UI	Dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Laboratorio Pablo Cassara S.R.L.	Argentina	Hộp 1 lọ x 1ml	220,000	1,000	220,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH PHÁT
267	348	Lansoprazol	Scolanzo		VN-21361-18, Hiệu lực: 29/10/2023	30mg	Viên nang bao tan trong ruột		Uống	Viên	Laboratorios Licoma, S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 7 viên	9,500	20,000	190,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM DÔNG
268	50	Ambroxol hydrochlorid	Olesom		VN-22154-19, Hiệu lực: 24/07/2024	30mg/5ml	Siro	Chai 100ml	Uống	Chai	Gracure Pharmaceuticals Ltd	India	Hộp 1 chai 100ml	41,454	12,000	497,448,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH TM ĐƯỢC PHẨM NAM KHANG
269	64	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Auropennz 3.0		VN-17644-14 (Công văn gia hạn: Công văn số 11404e/QLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 17/06/2022	2g + 1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd.	India	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	83,980	12,000	1,007,760,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH TM ĐƯỢC PHẨM NAM KHANG
270	139	Cefpodoxime proxetil	Auropodox 40		VN-12169-11 (Công văn gia hạn: Công văn số 17500e/QLD-DK ngày 11/10/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 11/10/2022	40mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	Lọ 100ml	Uống	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd. India	India	Hộp 1 lọ 100ml	159,999	2,500	399,997,500	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH TM ĐƯỢC PHẨM NAM KHANG
271	320	Irbesartan + Hydrochlorothiazide	Irbesyd H 300/25		VN-15750-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 10106e/QLD-DK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 30/05/2022	300mg + 25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cashia Healthcare Ltd	India	Hộp 3 vi x 10 viên	9,975	80,000	798,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH TM ĐƯỢC PHẨM NAM KHANG
272	370	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	Aureliza 30		VN-22716-21, Hiệu lực: 20/04/2026	30mg	Viên nén		Uống	Viên	Aurobindo Pharma Ltd	India	Hộp 2 vi 14 viên	5,691	50,000	284,550,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH TM ĐƯỢC PHẨM - NAM KHANG
273	372	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) + Hydrochlorothiazide	Aureliza-H		VN-17254-13, Hiệu lực: 27/12/2018	10mg + 12,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Aurobindo Pharma Ltd India	India	Hộp 2 vi 14 viên	2,625	50,000	131,250,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH TM ĐƯỢC PHẨM - NAM KHANG

STT	STT trong hồ sơ xuất khẩu	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàng hóa	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
274	666	Valsartan + Hydrochlorothiazid	Valtickeck H2		VN-20012-16 (Công văn gia hạn Công văn số 14961eQLD-DK ngày 16/08/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	160mg + 12,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd - Unit II India	India	Hộp 2 vỉ x 10 viên	12,600	80,000	1,008,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
275	325	Isoprop hydrochlorid	IBUTOP 50		VD-25232-16 (Công văn gia hạn Công văn số 12625eQLD-DK ngày 05/07/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	4,179	100,000	417,900,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
276	115	Calcii lactat pentahydrat	Pancal		VD-31499-19, Hiệu lực: 27/02/2024	500mg/10ml	Dung dịch uống	Chai 100ml	Uống	Chai	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Hộp 1 chai 100ml	53,382	5,000	266,910,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
277	120	Candesartam Cilexetil + hydrochlorothiazid	Acantan HTZ 8-12.5		VD-30209-18, Hiệu lực: 05/07/2023	8mg+12,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3,066	80,000	245,280,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
278	121	Capsaicin (tinh theo Capsaicinoid toàn phần)	Capsicin Gel 0,05%		VD-22085-15 (Công văn gia hạn Công văn số 10794eQLD-DK ngày 05/06/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 03/08/2022	0.05g/100g gel	Gel bôi da	Tuýp 20g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20g	89,985	2,000	179,970,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
279	188	Dioctahedral smectit	Atizal		VD-24739-16 (Công văn gia hạn Công văn số 1047eQLD-DK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 16/07/2022	3g/20ml	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 20 gói x 20ml	5,880	80,000	470,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
280	351	Levocetirizin dihydrochlorid	Aticizal		VD-27797-17, Hiệu lực: 19/09/2022	0,5mg/ml	Dung dịch uống	Ông 5ml	Uống	Ông	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ông x 5ml	5,859	50,000	292,950,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
281	383	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + Simethicon	Alumag-S		VD-20654-14 (Công văn gia hạn Công văn số 11547eQLD-DK ngày 14/06/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 17/06/2022	(800,4mg + 4,59mg + 80mg)/15g	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm Việt Nam	Việt Nam	Hộp 20 gói x 15g	3,444	240,000	826,560,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
282	591	Simethicon	Flabivl		VD-27681-17, Hiệu lực: 19/09/2022	40mg/0,6ml	Hỗn dịch uống	Chai 15ml	Uống	Chai	Công ty TNHH BRV Healthcare Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 chai 15ml (chai thủy tinh màu nâu kèm ống đo thể tích)	18,396	3,000	55,188,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NAM KHANG
283	674	Vitamin A + Vitamin D2	Vina-AD		VD-19369-13, Hiệu lực: 10/09/2018	2000IU + 400IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	576	50,000	28,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ NGỌC LINH
284	229	Human Erythropoietin alfa (Recombination)	Mirafu Prefilled Inj. 4000IU		QLSP-1035-17, Hiệu lực: 27/03/2022	4.000IU/0,5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Bơm tiêm	TS Corporation (Tên môn: HK Biomovation Co., Ltd)	Korea	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn thuốc x 0,5ml	364,980	4,000	1,459,920,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIÊN
285	646	Acid tranexamic	Toxaline 500mg Inj		VN-20059-16 (Công văn gia hạn Công văn số 11784eQLD-DK ngày 23/10/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 23/10/2022	500mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ông	Daihan Pharm Co., Ltd	Korea	Hộp 10 ống x 5ml	12,495	1,000	12,495,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIÊN
286	446	Naproxen (dưới dạng Naproxen natri)	Amepruxen 500		VD-25741-16 (Công văn gia hạn Công văn số 14071eQLD-DK ngày 26/07/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/11/2022	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1,932	55,000	106,260,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA
287	16	Acetylsalicylic acid + Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	Clopalvis Plus		VD-25142-16, Hiệu lực: 05/09/2021	75mg + 75mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên	2,122	30,000	63,660,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NGUYỄN DƯƠNG
288	612	Sulfamycin (dưới dạng Sulfamycin tosylat)	Cybercef 750mg		VD-21461-14, Hiệu lực: 04/05/2022	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domescos	Việt Nam	Hộp 3 vỉ (nhóm/nhóm) x 10 viên	16,300	80,000	1,304,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN SINH
289	116	Calcii-3-methyl-2-oxo-valerat + Calcii-4-methyl-2-oxo-valerat + Calcii-3-phenyl-propionat + Calcii-3-methyl-2-oxo-butyrate + Calcii-DL-2-hydroxy-L- (methylthio) butyrat + L-tyrosin acetat + L-Threonin + L-tryptophan + L-histidin + L-tyrosin (tương ứng trong 1 viên chứa: Nitơ toàn phần 36mg; Ca toàn phần 50mg)	Ketovital		VD-26791-17, Hiệu lực: 22/06/2022	67mg + 101mg + 68mg + 86mg + 59mg + 105mg + 53mg + 23mg + 38mg + 30mg (tương ứng trong 1 viên chứa: Nitơ toàn phần 36mg; Ca toàn phần 50mg)	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 vỉ x 10 viên	8,099	15,000	121,485,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ NHÂN TRUNG
290	55	Mỗi viên chứa: Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilat) 5mg, Atorvastatin (dưới dạng atorvastatin calci) 10mg	Amdepin Duo		VN-20918-18, Hiệu lực: 27/03/2023	5mg + 10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3,550	30,000	106,500,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NHẬT TIẾN
291	486	Nước oxy già đậm đặc (50%)	Nước oxy già 3%		VD-33506-19, Hiệu lực: 23/10/2024	1,2g/20ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai 60ml	Dùng ngoài	Chai	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai 60ml	1,575	2,000	3,150,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
292	692	Xanh Metylen 400mg/20ml. Tim Gentian 50mg/20ml	Dung dịch Millan		VD-18977-13 (Công văn gia hạn 12235eQLD-DK), Hiệu lực: 29/06/2022	400mg + 50mg	Thuốc nước dùng ngoài	Chai 20ml	Dùng ngoài	Chai	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Hộp 1 chai 20ml	10,500	200	2,100,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
293	101	Mỗi liều 0,05 ml chứa: Budesonid 64 mcg	BENITA		VD-23879-15 (Công văn gia hạn cv 3582 QL-DK NGÀY 17/4/2021), Hiệu lực: 17/03/2022	64mcg/liều	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ xịt 120 liều	Nhỏ mũi (Xịt mũi)	Lọ	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 120 liều	90,000	2,000	180,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM
294	262	Mỗi liều 0,05 ml chứa: Fluticasone propionat 50 mcg (0,1%)	MESECA		VD-23880-15 (Công văn gia hạn 3581eQLD-DK), Hiệu lực: 17/03/2022	50mcg/liều	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ xịt 60 liều	Nhỏ mũi (Xịt mũi)	Lọ	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 60 liều	90,000	500	48,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM

STT	STT trong tài vụ nội thất	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đương đương	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
295	302	Mỗi 10 ml chứa: Hydroxypropyl methylcellulose 30mg	SYSEVE		VD-25905-16 (Công văn gia hạn: 18555eQLD-DK), Hiệu lực: 19/11/2022	0,3%	Thuốc nhỏ mắt	Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 15ml	30,000	15,000	450,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM
296	387	Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa: Nhóm hydroxyd gel khô (tương đương Nhóm hydroxyd 351,9mg) 460mg, Magnesi hydroxyd (dưới dạng Magnesi hydroxyd paste 30% 1.333,34mg) 400mg, Simethicon (dưới dạng Simethicon emulsion 30% 166,66mg) 50mg	AQUIMA		VD-32231-19, Hiệu lực: 27/02/2024	400mg+351,9mg+50mg	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10ml	3,300	50,000	165,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM
297	459	Mỗi 10 ml chứa: Natri hyaluronat 18mg	VITOL		VD-28352-17, Hiệu lực: 19/09/2023	0,18%	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 12ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 12 ml	53,000	500	26,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM
298	464	Mỗi 10 ml chứa: Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat) 35mg, Polymyxin B sulfat 100.000IU, Decamethason (dưới dạng Decamethason natri phosphat) 10mg	MEPOLY		VD-21973-14 (Công văn gia hạn: 8052eQLD-DK), Hiệu lực: 14/05/2022	35mg + 100.000IU + 10mg	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	Lọ 10ml	Nhỏ mắt, nhỏ tai	Lọ	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 10ml	37,000	1,000	37,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM
299	494	Mỗi 1 ml chứa: Olopatadin (dưới dạng Olopatadin hydroclorid) 2mg	OLEVID		VD-27348-17, Hiệu lực: 22/06/2023	0,2%	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 5 ml	88,000	500	44,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM
300	385	Nhóm hydroxyd gel 13% (tương ứng 0,4g nhôm hydroxyd) 4,596g, Magnesi hydroxyd paste 30% (tương ứng 0,8004g Magnesi hydroxyd) 2,668g, Simethicon nhỏ dịch 30% (tương ứng 0,08g Simethicon) 0,276g	Vilanta	Vilanta	VD-18273-13 (Công văn gia hạn: 11610F-QLD-DK), Hiệu lực: 16/06/2022	2.668mg + 4.596mg + 2,76mg	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10g	3,300	50,000	165,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG CHÂU
301	445	Naproxen	Philcodan		VD-29534-18, Hiệu lực: 22/02/2023	250mg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty TNHH Phil Inter-Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3,150	21,000	66,150,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG CHÂU
302	177	Dung dịch thuốc trước khi hoàn nguyên có chứa: 1000ml dung dịch điện giải ngăn A chứa: Calcium chloride 2H2O 5,145g, Magnesium chloride 6H2O 2,033g, Acid lactic 5,4g. 1000ml dung dịch đệm ngăn B chứa: Sodium hydrogen carbonate 3,09g, Sodium chloride 6,45g. Dung dịch sau khi pha: Calcium 1,75mmol/l, Magnesium 0,5mmol/l, Sodium 140mmol/l, Chloride 109,5mmol/l, Lactate 5mmol/l, hydrogen carbonate 32mmol/l	Prismasol B0		VN-21678-19, Hiệu lực: 20/03/2024	1000ml dung dịch đệm ngăn B chứa Sodium hydrogen carbonate 3,09g, Sodium chloride 6,45g. Dung dịch sau khi pha: Calcium 1,75mmol/l, Magnesium 0,5mmol/l, Sodium 140mmol/l, Chloride 109,5mmol/l, Lactate 5mmol/l, hydrogen carbonate 32mmol/l	Dịch lọc màu và tách chất màu	Túi dịch 5L	Tiền truyền	Túi	Bieffe Medical S.p.A	Ý	Túi 5 lít, Thùng 2 túi, mỗi túi gồm 2 khoang (A: 250ml và khoang B: 4750ml)	700,000	1,000	700,000,000	NHOM 1	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG
303	118	Calcitonin salmon 50IU/ml	Rocalcic 50		VN-29345-17, Hiệu lực: 20/02/2022	50IU	Dung dịch tiêm và pha tiêm truyền		Tiền truyền	Ông	Panpharma GmbH	Đức	Hộp 5 ống 1ml	50,400	150	7,560,000	NHÓM 1	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH
304	128	Cefaclor	Pyfaclor 500mg		VD-23850-15 (Công văn gia hạn: cv 1159eQLD-DK), Hiệu lực: 17/02/2022	500mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 12 viên	8,000	10,000	80,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
305	89	Bisoprolol fumarat	Bisopro 2,5		VD-28288-17, Hiệu lực: 19/09/2022	2,5mg	Viên		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	1/2 vỉ/14 viên nén bao phim	320	300,000	96,000,000	NHOM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
306	511	Acetaminophen 325mg, Tramadol HCl 37,5mg	Tatanol Ultra		VD-28305-17, Hiệu lực: 19/09/2022	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	1/3 vỉ/10 viên	1,890	10,000	18,900,000	NHOM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
307	621	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Tenfovis		VD-20841-13 (Công văn gia hạn: 2405eQLD-DK, ngày 02/3/2021 và duy trì hiệu lực giấy DK LH), Hiệu lực: 02/03/2022	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	1/3 vỉ/10 viên	3,500	30,000	105,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
308	403	Metformin hydroclorid 500mg, Glibenclamid 5mg	Glipeform 500/5		VD-44024-20	500mg + 5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 15 viên	1,850	20,000	37,000,000	NHOM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
309	500	Acetaminophen 120mg	Tatanol Trẻ em		VD-25399-16 (Công văn gia hạn: CV 12633eQLD-DK, NGÀY 05/7/2021), Hiệu lực: 05/07/2022	120mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 1/3 vỉ x 20 viên	260	3,000	780,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
310	588	Silymarin	Liverton 70		VD-15891-11 (Công văn gia hạn: cv 14484-QLD-DK, ngày 01/9/2020 và duy trì hiệu lực giấy DK LH), Hiệu lực: 01/09/2021	70mg	Viên nang		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	1/10 vỉ/10 viên	450	100,000	45,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
311	658	Trimetazidin HCl	Vaspycar MR		VD-24455-16 (Công văn gia hạn: CV 5338eQLD-DK, ngày 13/4/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 13/04/2022	35mg	Viên nén bao phim phòng thích có kiểm soát		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	1/2 vỉ/30 viên	347	600,000	208,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

STT	STT trong hồ sơ xin thuốc	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị thuế	Số lượng trong hồ sơ	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
312	690	DL-alpha-Tocopheryl acetat 400 IU	Vitamin E 400		VD-22617-15 (Công văn gia hạn: 10339/QĐ-ĐK ngày 31/3/2021 về duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 31/05/2022	400IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	H/10 vỉ/10 viên	420	120,000	50,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
313	141	Ceftriaxone (dạng dung dịch Ceftriaxon sodium)	Tenamid-ceftriaxone 2000		VD-19450-13 (CƠ QUAN VĂN GIẢNH SỐ 270E/QĐ-ĐK NGÀY 03/02/2021) (Công văn gia hạn: 270E/QĐ-ĐK NGÀY 03/02/2021). Hiệu lực: 03/02/2022	2g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamid	Việt Nam	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml; Hộp 10 lọ	61,800	2,000	123,600,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
314	598	Solifenacin succinate	Vesifix 10 mg Film Coated Tablet		VN-22806-21, Hiệu lực: 24/08/2026	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	NOBEL ILAC SANAYI VE TICARET A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	28,000	1,000	28,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
315	599	Solifenacin succinate	Vesifix 5 mg Film Coated Tablet		VN-22807-21, Hiệu lực: 24/08/2026	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	NOBEL ILAC SANAYI VE TICARET A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	17,000	1,000	17,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
316	164	Deflazacort	Basmetin		QLĐB-783-19, Hiệu lực: 01/08/2024	6mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	7,500	2,000	15,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
317	569	Rivaroxaban	Langitas 20		VD-29000-18, Hiệu lực: 22/02/2023	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Nhà máy sản xuất dược phẩm Usanapharm	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	33,300	5,000	166,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
318	580	Sắt fumarat 322 mg; Acid folic 350 mcg	Vitasun Tab		VD-34196-20	322mg + 350mcg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2,200	200,000	440,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
319	597	Sofosbuvir + Velpatasvir	MyVelpa		VN-242-19	400mg+100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Mylan Laboratories Limited	India	Hộp 1 lọ x 28 viên	246,900	5,000	1,234,500,000	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG
320	277	Gemfibrozil	Savi Gemfibrozil 600		VD-28033-17, Hiệu lực: 19/09/2022	600mg	Viên		Uống	Viên	Công ty CPDP Savi	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	4,320	150,000	648,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
321	557	Ramipril	Ramifis 2.5		VD-26253-17, Hiệu lực: 06/02/2022	2,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Savi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2,560	50,000	128,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
322	263	Fluvastatin	Fluvastatin 40mg		VD-30435-18, Hiệu lực: 05/07/2023	40mg	Viên nang		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6,000	200,000	1,200,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
323	334	Kẽm gluconat	Nadyzin		VD-31057-18, Hiệu lực: 08/10/2024	10mg Kẽm	Thuốc bột uống		Uống	Gói	Công ty CPDP 2/9	Việt Nam	Hộp 24 gói x 2g	1,470	100,000	147,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHAM
324	156	Clopidogrel (dạng Clopidogrel bisulfat)	SaVi Clopidogrel 75		VD-29122-18, Hiệu lực: 22/02/2023	75mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	780	55,000	42,900,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
325	376	Losartan kali	SaVi Losartan 50		VD-24850-16, Hiệu lực: 15/07/2022	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	699	150,000	104,850,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
326	36	Albendazol	SaVi Albendazol 200		VD-15174-11, Hiệu lực: 13/08/2022	5mg	Viên nén trên bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 2 viên	1,800	500	900,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
327	327	Ibuprofen (dạng HCl)	SaVi Ibuprofen 5		VD-26877-17, Hiệu lực: 22/06/2022	500mg	Dạng dịch uống		Uống	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 20 ống nhựa x 10ml	3,498	50,000	174,900,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
328	113	Calcii lactat pentahydrat	Fucalmax		VD-30318-18, Hiệu lực: 05/07/2023	40mg	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 7 viên	6,800	50,000	340,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG KHANH
329	236	Esomeprazol	Nexipraz 40		VD-22372-15, Hiệu lực: 14/05/2022	8mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4,300	50,000	215,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG KHANH
330	633	Thiocolchicosid	Thiocolchid 8 mg		VD-21825-14 (CÔNG VĂN SỐ 6256E/QLĐ-ĐK NGÀY 19/04/2021 VỀ VIỆC DUY TRÌ HIỆU LỰC GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH). Hiệu lực: 19/04/2022	1 MIU	Thuốc tiêm đông khô		Tiêm	Lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	Việt Nam	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi natri clorid 0,9% 5ml	257,712	800	206,169,600	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN SUNDIAL PHARMA
331	162	Colistin	Colirex 1MIU		VN-19613-16, Hiệu lực: 04/01/2022	10g/15ml	Dạng dịch uống		Uống	Gói	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	Hộp 20 gói 15ml	2,688	25,000	67,200,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM DAN
332	344	Mỗi 15ml chứa: Lactulose 10g	Laevolac		VN-22760-21, Hiệu lực: 20/04/2026	100mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm/tiêm truyền		Tiêm/Tiêm truyền	Lọ	VUAB Pharma a.s	Cộng Hòa Séc	Hộp 1 lọ	19,563	60	1,173,780	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM DAN
333	613	Suxamethonium clorid dihydrat 110mg (tương đương suxamethonium clorid 100mg)	Suxamethonium clorid VUAB 100mg		VN-19613-16	10g/15ml	Dạng dịch uống		Uống	Gói	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	Hộp 20 gói 15ml	2,688	20,000	55,760,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM DAN
334	345	Mỗi 15ml chứa: Lactulose 10g	Laevolac		VN-17895-14, Hiệu lực: 12/06/2022	10mg + 12,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Farnak JSC	Ukraine	Hộp 2 vỉ x 10 viên	3,550	100,000	355,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH
335	213	Enalapril maleate, Hydrochlorothiazide	Ebitac 12.5		VN-17896-14, Hiệu lực: 12/06/2022	20mg + 12,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Farnak JSC	Ukraine	Hộp 2 vỉ x 10 viên	3,900	100,000	390,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH
336	214	Enalapril maleate + Hydrochlorothiazide	Ebitac Forte		VN-20575-17, Hiệu lực: 08/06/2022	80mg + 500mg	Viên nén		Uống	Viên	Micro Labs Limited	Ấn Độ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3,600	800,000	2,952,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH
337	404	Gliclazide, Metformin hydrochloride	Melano-M		VN-343-21, Hiệu lực: 24/08/2024	80mg + 500mg	Viên nén		Uống	Viên	Troika Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	5,200	900,000	4,680,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH
338	57	Losartan Potassium, Amlodipine besilate tương đương 5mg Amlodipin	Troyar AM		VN-19857-16, Hiệu lực: 14/09/2022	1g + 0,5g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	M/s Panacos Biotech Pharma Ltd	Ấn Độ	Hộp 20 vỉ x 10 viên	3,200	400,000	1,280,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG SINH
339	405	Gliclazide, Metformin hydrochloride	Glizym-M		VN-32834-19, Hiệu lực: 01/08/2024	1g + 1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S C Antibiotice S.A.	Rumania	Hộp 50 lọ	92,690	3,000	186,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU
340	63	Ampicilin + Sulbactam	Ama-Power		VD-32834-19, Hiệu lực: 01/08/2024	1g + 1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Invespharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	78,000	12,000	936,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU
341	135	Cefeporazon + Sulbactam	Bacsulfo 1g/1g		VD-29630-18, Hiệu lực: 27/03/2023	100mg/5ml	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược Hòa Thịnh	Việt Nam	Hộp 12 gói x 5ml	2,990	5,000	14,950,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU
342	304	Ibuprofen	Ibuhadi suspension															

STT	STT trong hồ sơ xuất khẩu	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hạng lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Dạng vị	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị thuế	Số lượng trong thuế	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
343	305	Ibuprofen	Ibuhadi		VD-31533-19, Hiệu lực: 27/02/2024	200mg	Thuốc cốm		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Hộp 20 gói x 1,5g	2,500	1,000	2,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ANH	
344	239	Etoricoxib	Roticea 120 mg film-coated tablets		VN- 21715-19, Hiệu lực: 20/03/2024	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	KRKAJ.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vi x 10 viên	15,980	80,000	1,278,400,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
345	240	Etoricoxib	Roticea 90 mg film-coated tablets		VN- 21718-19, Hiệu lực: 20/03/2024	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	KRKAJ.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vi x 10 viên	13,650	80,000	1,092,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
346	278	Gliclazid	Gliclada 60mg modified-release tablets		VN-21712-19, Hiệu lực: 20/03/2024	60mg	Viên nén giải phóng kéo dài		Uống	Viên	KRKAJ.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 2 vi x 15 viên, hộp 4 vi x 15 viên, hộp 8 vi x 15 viên	4,800	20,000	96,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
347	618	Telmisartan + Hydrochlorothiazide	Telcumbi 40mg/12,5mg Tablets		VN- 21113-18, Hiệu lực: 27/03/2023	40mg + 12,5mg	Viên nén		Uống	Viên	KRKAJ.D., Novo mesto	Slovenia	Hộp 4 vi x 7 viên	8,900	50,000	445,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
348	663	Valsartan	Valsartan 160		VN- 12019-11 (Công văn gia hạn: 27/06/2024), Hiệu lực: 03/02/2022	160mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	KRKAJ.D., Novo mesto	Slovenia	Hộp 4 vi x 7 Viên, Hộp 2 vi x 14 viên	7,014	40,000	280,560,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
349	665	Valsartan	Valsartan 80		VN- 12020-11 (Công văn gia hạn: 27/06/2024), Hiệu lực: 03/02/2022	80mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	KRKAJ.D., Novo mesto	Slovenia	Hộp 4 vi x 7 Viên, Hộp 2 vi x 14 viên	3,822	50,000	191,100,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
350	130	Cefazolin (dạng cefazolin natri)	Zofast 2000		VD-23022-15 (Công văn gia hạn: 28/06/2024), Hiệu lực: 03/02/2022	2g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamidy	Việt Nam	Hộp 10 lọ	37,800	1,000	37,800,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
351	19	Aciclovir	Acyclovir		VD-24956-16 (Công văn gia hạn: 13/10/2024), Hiệu lực: 15/07/2022	250mg/5g (5%)	Kem bôi da		Tuýp 5g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 1 tuýp	4,100	200	820,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY
352	158	Clotrimazol	Clotrimazol		VD-17187-12 (Công văn gia hạn: 5/07/2024), Hiệu lực: 08/02/2022	100mg	Viên nén đặt âm đạo		Đặt âm đạo	Viên	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 1 vi x 6 viên	1,300	2,000	2,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
353	268	Acid Fusidic + Betamethason valerat	Fusidin plus		VD-25375-16 (Công văn gia hạn: 17/06/2024), Hiệu lực: 23/10/2022	(100mg+ 5mg/5g (2% + 0,1%)	Kem bôi da		Tuýp 5g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 1 tuýp	21,000	500	10,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY
354	338	Ketoconazol	Ketoconazol		VD-23197-15 (Công văn gia hạn: 14/26/2024), Hiệu lực: 18/02/2022	100mg/5g (2%)	Kem bôi da		Tuýp 10g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	5,100	1,400	7,140,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY
355	627	Tetracyclin (hydroclorid)	Tetracyclin 1%		VD-26395-17, Hiệu lực: 06/02/2022	50mg/5g (1%)	Mỡ tra mắt		Tuýp 5g	Tra mắt	Tuýp	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 1 tuýp	3,550	300	1,065,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY
356	682	Magnesi lactate dihydrat + Pyridoxin hydroclorid	Magnesi B6		VD-30758-18, Hiệu lực: 05/07/2023	5mg + 470mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên, 50 vi x 10 viên	120	100,000	12,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMIDY	
357	34	Adenosin	Adenorythm		VN-22115-19, Hiệu lực: 24/07/2024	6mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	lọ	Vianex S.A.-Plant A'	Greece	Hộp 6 lọ x 2ml	849,975	50	42,498,750	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	
358	667	Vancomycin (dạng Vancomycin hydrochlorid)	Voxin		VN-20983-18, Hiệu lực: 27/03/2023	1g	Bột đông khô để pha dung dịch truyền		Tiêm truyền	lọ	Vianex S.A.-Plant C'	Greece	Hộp 1 lọ	82,950	3,000	248,850,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	
359	656	Trimetazidin dihydrochlorid	Metazdyna		VN-21630-18, Hiệu lực: 29/10/2023	20mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Adamed Pharma S.A	Poland	Hộp 2 vi x 30 viên	1,890	200,000	378,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THẮNG LONG	
360	215	Enoxaparin natri	Gemapsane		VN-16312-13 (CƠ CẤU GIA HẠN SỐ 15162EQLD-DK NGÀY 19/08/2021), (CÔNG VĂN GIA HẠN: 15162EQLD-DK), Hiệu lực: 19/08/2022	4000IU(0,4ml)	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,4ml	Tiêm	Bơm tiêm	Italiarmaco S.p.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	70,000	20,000	1,400,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
361	237	Etofexine Hydrochloride	Stresam		VN-21988-19, Hiệu lực: 16/04/2024	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Biocodex	Pháp	Hộp 3 vi x 20 viên	3,300	80,000	264,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
362	314	Insulin Human	Actrapid		QLSP-1029-17, Hiệu lực: 27/03/2022	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	63,000	200	12,600,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
363	317	Insulin glargine	Basaglar		SP3-1201-20, Hiệu lực: 03/12/2023	300IU/3ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Lilly France	Pháp	Hộp 05 bút tiêm x 3ml	268,000	500	134,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
364	378	Macrogol 4000	Fortax		VN-16801-13 (CƠ CẤU GIA HẠN SỐ 551EQLD-DK NGÀY 05/02/2021), (CÔNG VĂN GIA HẠN: 551EQLD-DK), Hiệu lực: 05/02/2022	10g	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 20 gói	4,275	10,000	42,750,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
365	379	Macrogol 4000 + Anhydrous sodium sulfate + Sodium bicarbonate + Sodium chloride + Potassium chloride	Fortrans		VN-19677-16 (CƠ CẤU GIA HẠN SỐ 7153EQLD-DK NGÀY 04/05/2021), (CÔNG VĂN GIA HẠN: 7153EQLD-DK), Hiệu lực: 04/05/2022	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 4 gói	29,999	2,000	59,998,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
366	425	Mirtazapin	Remeron 30		VN-22437-19, Hiệu lực: 23/10/2024	30mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	Hộp 3 vi x 10 viên	14,490	1,500	21,735,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
367	432	Montelukast (dạng Montelukast natri)	KIPTEL FILM COATED TABS 10MG		VN-21538-18, Hiệu lực: 29/10/2023	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Pharmathen S.A	Greece	Hộp 4 vi x 7 viên	10,500	8,000	84,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
368	462	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (Xuất xưởng: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	VN-18589-15 (CƠ CẤU GIA HẠN SỐ 10926EQLD-DK NGÀY 06/06/2021), (CÔNG VĂN GIA HẠN: 10926EQLD-DK), Hiệu lực: 06/06/2022	20mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ông	Delpharm Tours (xuất xưởng: Biocodex)	Pháp	Hộp 5 ống 2ml	33,000	7,200	237,600,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
369	502	Paracetamol	Efferalgan 150mg Suppo	Efferalgan	VN-21850-19, Hiệu lực: 20/03/2022	150mg	Thuốc đạn		Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	Hộp 2 vi x 5 viên	2,258	100	225,800	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	
370	506	Paracetamol	Efferalgan 300mg Suppo	Efferalgan (Cơ sở xuất xưởng: Upsa SAS, địa chỉ: 979, Avenue des Pyrenées, 47520 Le Passage, France)	VN-21217-18, Hiệu lực: 04/07/2023	300mg	Viên đạn		Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	Hộp 2 vi x 5 viên	2,641	100	264,100	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	

STT	STT trong hồ sơ xuất khẩu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPSK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Dạng vị tinh	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị thuế	Số lượng trung bình	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
371	540	Prednisolon acetat	Pred Forte		VN-14893-12 (CỔ CV GIA HẠN SỐ 14509E/QLD-DK NGÀY 30/07/2021) (Công văn gia hạn: 14509E/QLD-DK), Hiệu lực: 30/07/2022	1% w/v (10mg/ml)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Chai 5ml	Nhỏ mắt	Chai	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Hộp 1 chai 5ml	31,762	200	6,352,400	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
372	575	Saccharomyces boulardii CNCM 1-745	Bioflora 100mg		VN-16392-13 (CỔ CV GIA HẠN SỐ 13066E/QLD-DK NGÀY 07/07/2021) (Công văn gia hạn: 13066E/QLD-DK), Hiệu lực: 07/07/2022	100mg	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Goi	Biocodex	Pháp	Hộp chứa 20 gói	5,500	30,000	165,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
373	576	Saccharomyces boulardii CNCM 1-745	Bioflora 200mg		VN-16393-13 (CỔ CV GIA HẠN SỐ 13071E/QLD-DK NGÀY 07/07/2021) (Công văn gia hạn: 13071E/QLD-DK), Hiệu lực: 07/07/2022	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Biocodex	Pháp	Lọ chứa 10 viên	11,000	20,000	220,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
374	584	Ferrous Sulfate + Acid folic	Tardyferon B9		VN-16023-12 (CỔ CV GIA HẠN SỐ 401E/QLD-DK NGÀY 04/02/2021) (Công văn gia hạn: 401E/QLD-DK), Hiệu lực: 04/02/2022	50mg sắt + 0,35mg acid folic	Viên nén giải phóng kéo dài		Uống	Viên	Pierre Falve Medicament production	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2,849	30,000	85,470,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
375	659	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Tropicamide 50mg, Phenylephrin hydrochlorid 50mg	Mydrin-P		VN-21339-18, Hiệu lực: 04/07/2023	50mg, 50mg	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 10ml	Nhỏ mắt	Lọ	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nha máy Shiga	Nhật Bản	Hộp 1 lọ 10ml	67,500	50	3,375,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
376	206	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 1.5% Dextrose 2L	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 1.5% Dextrose	VN-21178-18, Hiệu lực: 04/07/2023	(18,3mg + 1.5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 2 lít	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Túi	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	Singapore	Thùng 6 túi 2 lít	78,178	5,000	390,890,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
377	207	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 1.5% Dextrose 5L	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 1.5% Dextrose	VN-21178-18, Hiệu lực: 04/07/2023	(18,3mg + 1.5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 5 lít	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Túi	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	Singapore	Thùng 2 túi 5 lít	178,000	2,000	356,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
378	208	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 2.5% Dextrose 2L	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 2.5% Dextrose	VN-21180-18, Hiệu lực: 04/07/2023	(18,3mg + 2.5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 2 lít	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Túi	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	Singapore	Thùng 6 túi 2 lít	78,178	5,000	390,890,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
379	209	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 2.5% Dextrose 5L	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 2.5% Dextrose	VN-21180-18, Hiệu lực: 04/07/2023	(18,3mg + 2.5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 5 lít	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Túi	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	Singapore	Thùng 2 túi 5 lít	179,245	2,000	358,490,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
380	210	Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 4.25% Dextrose 2L	Dianeeal Low Calcium (2.5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 4.25% Dextrose	VN-21179-18, Hiệu lực: 04/07/2023	(18,3mg + 4.25g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 2 lít	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Túi	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	Singapore	Thùng 6 túi 2 lít	78,178	5,000	390,890,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
381	323	Isotretinoin	SOTRETRAN 10MG		VN-20347-17, Hiệu lực: 20/02/2022	10mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6,400	5,000	32,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
382	284	Mỗi 100ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 10g	GLUCOSE 10%		VD-25876-16 (Công văn gia hạn: cv 141.80e/QLD-DK v.v dự tri hiệu lực gây đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 15/11/2022	10g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai 250ml	9,975	2,000	19,950,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
383	285	Dextrose 20g/100ml	GLUCOSE 20%		VD-29314-18, Hiệu lực: 22/02/2023	20g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai nhựa 250ml	11,760	150	1,764,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
384	286	Glucose khan 30g/100ml	GLUCOSE 30%		VD-23167-15 (Công văn gia hạn: cv 407e/QLD-DK v.v dự tri hiệu lực gây đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 05/02/2022	30g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai 250ml	11,880	1,500	17,820,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
385	287	Mỗi ống 5ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 1,5g	GLUCOSE KABI 30%		VD-29315-18, Hiệu lực: 22/02/2022	1,5g/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	950	300	285,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
386	288	Mỗi 100 ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 5g	GLUCOSE 5%		VD-28252-17, Hiệu lực: 19/09/2022	5g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai nhựa 100ml	8,295	500	4,147,500	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
387	329	Kali clorid 1g/10ml	KALI CLORID KABI 10%		VD-19566-13 (Công văn gia hạn: CÔNG VĂN 426E/QLD-DK NGÀY 05/02/2021 V.V DUY TRI HIỆU LỰC GÂY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH), Hiệu lực: 05/02/2022	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	1,169	5,000	5,845,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

STT	STT trong tài vụ nước ngoài	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐKK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị tính thuế	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
388	390	Magnesi sulfat 1,5g/10ml	MAGNESI SULFAT KABI 15%		VD-19567-13 (Công văn gia hạn: cv 412e/QLD-DK-vv duy trì hiệu lực giấy đăng kí lưu hành). Hiệu lực: 05/02/2022	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	2,583	3,000	7,749,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
389	416	Metoclopramid hydroclorid 10mg/2ml	METOCLOPRAMID KABI 10MG		VD-27272-17. Hiệu lực: 22/06/2022	10mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 12 ống x 2ml	1,040	5,000	5,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
390	450	Natri clorid 0,9g/100ml	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14 (Công văn gia hạn: cv 414e/QLD-DK-vv duy trì hiệu lực giấy đăng kí lưu hành). Hiệu lực: 05/02/2022	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai nhựa 100ml	6,383	25,000	159,575,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
391	451	Natri clorid 0,9g/100ml	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14 (Công văn gia hạn: cv 414e/QLD-DK-vv duy trì hiệu lực giấy đăng kí lưu hành). Hiệu lực: 05/02/2022	0,9g/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai nhựa 500ml	6,395	50,000	319,750,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
392	452	Natri clorid 0,9g/100ml	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14 (Công văn gia hạn: cv 414e/QLD-DK-vv duy trì hiệu lực giấy đăng kí lưu hành). Hiệu lực: 05/02/2022	0,9g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai nhựa 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai nhựa 250ml	7,802	1,000	7,802,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
393	453	Natri clorid 3g/100ml	NATRI CLORID 3%		VD-23170-15 (Công văn gia hạn: cv 410e/QLD-DK ngày 05/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng kí lưu hành). Hiệu lực: 05/02/2022	3g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai 100ml	8,190	1,500	12,285,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
394	460	Môi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	NATRI BICARBONAT 1,4%		VD-25877-16 (Công văn gia hạn: cv 1412e/QLD-DK ngày 26/7/2021). Hiệu lực: 15/11/2022	1,4g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 250ml	32,000	50	1,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
395	485	Nước cất pha tiêm	NƯỚC CÁT PHA TIÊM		VD-23172-15 (Công văn gia hạn: cv 423e/QLD-DK ngày 05/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng kí lưu hành). Hiệu lực: 05/02/2022	500ml	Dung dịch pha tiêm	Chai 500ml	Dùng môi pha tiêm	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	8,400	1,000	8,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
396	505	Paracetamol 1000mg/100ml	PARACETAMOL KABI 1000		VD-19568-13 (Công văn gia hạn: cv 415e/QLD-DK ngày 05/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng kí lưu hành). Hiệu lực: 05/02/2022	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 100 ml, hộp 48 chai 100 ml	9,190	40,000	367,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
397	687	Acid ascorbic 500mg/5ml	VITAMIN C KABI 500MG/5ML		VD-32121-19, CÔNG VĂN SỐ 4642/QLD-DK NGÀY 29/04/2021 V/V ĐỊNH CHỈNH THÔNG TIN TẠI QUYẾT ĐỊNH CẤP GĐKLH. Hiệu lực: 27/02/2024	500mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm bắp - Tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 6 ống x 5ml	1,229	1,000	1,229,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
398	313	Insulin Glargine (rDNA origin) - 100IU/ml	INSUNOVA -G PEN		QLSF-997-15 KEM CÔNG VĂN SỐ 1728/QLD-DK NGÀY 2/2/2016 V/V BỎ MŨNG QUY CÁCH ĐÓNG GÓI THAY ĐỔI HẠNG ĐÓNG SAN PHẠM VÀ CÔNG VĂN SỐ 14039/QLD-DK NGÀY 19/08/2019 V/V THAY ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỐI VỚI THUỐC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỔ ĐĂNG KÝ VÀ CÔNG VĂN SỐ 19361/QLD-DK NGÀY 13/11/2019 V/V THAY ĐỔI CÁCH GHI ĐUA CHỈ THẠNH PHẠM VÀ CÔNG VĂN SỐ 823E/QLD-DK NGÀY 09/02/2021 V/V DUY TRÌ HIỆU LỰC GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH VÀ CÔNG VĂN SỐ 4048/QLD-DK NGÀY 23/4/2021 V/V ĐỊNH CHỈNH THÔNG TIN TRONG CÔNG VĂN PHÊ DUYỆT DUY TRÌ HIỆU LỰC SỔ ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH (Công văn gia hạn: 823E/QLD-DK). Hiệu lực: 26/03/2022	100IU/ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm 3ml	Tiêm	Bút tiêm	M/s Biocon Limited	India	Hộp chứa 01 bút tiêm nạp sẵn chưa 03ml dung dịch thuốc	222,000	2,000	444,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
399	315	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixtard 30 FlexPen		QLSF-1056-17. Hiệu lực: 26/07/2022	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	67,000	20,000	1,340,000,000	NHÓM 5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
400	528	Piracetam	Piracetam-Egis		VN-19939-16 (Công văn gia hạn: 15846e/QLD-DK). Hiệu lực: 05/09/2022	3g/15ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 20 ống x 15ml	29,900	500	14,950,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÍN DỨC
401	244	Felodipin	Felodipine Stella 5mg retard		VD-26562-17. Hiệu lực: 06/02/2022	5mg	viên nén bao phim phồng thích kéo dài		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm-chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1,200	50,000	60,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÍN DỨC
402	1	Acarbose	Blueucose		VN-20393-17. Hiệu lực: 08/06/2022	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Biopharma Industrial Farmaceutica S.A	Portugal	Hộp 5 vỉ x 10 viên	4,500	50,000	230,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÍN DỨC
403	3	Acetolfenac	Acetlonac		VN-20606-17. Hiệu lực: 19/09/2022	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Rafarm S.A	Greece	Hộp 4 vỉ x 10 viên	5,000	50,000	295,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÍN DỨC



STT	STT hàng hóa và xuất khẩu	Huỳnh chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dạng đóng gói	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Ghi trọng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHOM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
404	17	Acidovir	Eurovir 200mg		VN-1989-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 17915e/QLD-ĐK ngày 25/10/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 25/10/2022	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	S C Arena Group S.A	Romania	Hộp 02 vi x 10 viên	2,990	3,000	8,970,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
405	43	Allopurinol	Sadapron 100		VN-20971-1R, Hiệu lực: 27/03/2023	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 05 vi x 10 viên	1,750	25,000	43,750,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
406	112	Calcii lactat pentahydrat	Calcium Lactate 300 Tablets		6573/QLD-KĐ, Hiệu lực: 12/05/2018	300mg	Viên nén		Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 10 vi x 10 viên	2,000	100,000	200,000,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
407	196	Domeperidon	Domreme		VN-19608-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 12081e/QLD-ĐK ngày 28/06/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 28/06/2022	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 10 vi x 10 viên	1,000	50,000	50,000,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
408	311	Indapamid	Diuresin SR		VN-15794-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 4311e/QLD-ĐK ngày 30/03/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 30/03/2022	1,5mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài		Uống	Viên	Polfarmex S.A	Poland	Hộp 3 vi x 10 viên	3,050	100,000	305,000,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
409	321	Isosorbid (dinurat hoặc mononurat)	Nadectin 10mg		VN-17014-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 4499e/QLD-ĐK ngày 01/04/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 31/12/2021	10mg	Viên nén		Uống	Viên	S C Arena Group S.A	Romania	Hộp 3 vi x 10 viên	2,600	100,000	260,000,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
410	421	Miconazol nitrat	Micomedil		VN-18018-14 (C.V GIA HẠN ĐẾN NGÀY 28/06/2022) (Công văn gia hạn: Công văn số 12052e/QLD-ĐK ngày 28/06/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 28/06/2022	2% (k/đ)	Kem bôi ngoài da	Tuyp 15g	Dùng ngoài	Tuyp	Medochemie Ltd (Copols Facility),	Cyprus	Hộp 01 tuyp 15g	60,000	500	30,000,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
411	463	Nefopam hydrochlorid	Nefolin		VN-18368-14 (C.V GIA HẠN ĐẾN NGÀY 04/02/2022) (Công văn gia hạn: Công văn số 3944e/QLD-ĐK ngày 04/02/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 04/02/2022	30mg	Viên nén		Uống	Viên	Medochemie Ltd (Central Factory),	Cyprus	Hộp 2 vi x 10 viên	5,250	40,000	210,000,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
412	490	Ofloxacin	Remeciflox 200		VN-21229-1R, Hiệu lực: 04/07/2023	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 10 vi x 10 viên	3,050	10,000	30,500,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
413	509	Paracetamol + Codem phosphat (chưa dạng Codem phosphat hemihydrate)	Codalgin Forte		VN-22611-20, Hiệu lực: 31/12/2025	500mg + 30mg	Viên nén		Uống	Viên	Aspen Pharma Pty., Ltd	Australia	Hộp 02 vi x 10 viên	3,100	40,000	124,000,000	NHOM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
414	94	Bisoprolol fumarat + Hydrochlorothiazid	BisoProlol Plus HCT 5/6,25		VD-20807-14 (Công văn gia hạn: Công văn số 1193e/QLD-ĐK ngày 17/02/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 17/02/2022	5mg + 6,25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (SaViPharm)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2,600	80,000	208,000,000	NHOM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
415	373	Losartan kali	SaVi Losartan 100		VD-27048-17, Hiệu lực: 22/06/2022	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 Viên	2,184	30,000	65,520,000	NHOM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
416	322	Isosorbide mononitrat	Vasotrate 30 OD		VN-12691-11 (Công văn gia hạn: Công văn số 2778e/QLD-ĐK ngày 08/03/2021 và dự tri hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 08/03/2022	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài		Uống	Viên	Torrent Pharmaceuticals Ltd	India	2 hộp nhỏ x 2 vi x 7 viên	2,553	50,000	127,650,000	NHOM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
417	72	Atapniglic mormonon hoạt hóa + Gel khô nhem hydroxyd và magnesi carbonat	Gastrolium		VD-29831-1R, Hiệu lực: 27/03/2023	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty CP Dược Phẩm Sao Kim	Việt Nam	Hộp 30 gói	1,800	20,000	36,000,000	NHOM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
418	87	Bismuth tripotassium dictrat	Domela		VD-29908-1R, Hiệu lực: 27/03/2023	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CP SX-TM DP Đồng Nam	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	5,500	150,000	825,000,000	NHOM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
419	510	Paracetamol + Methocarbamol	Clopidmeyer		VD-32583-19	300mg + 38mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	2,300	150,000	345,000,000	NHOM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
420	582	Sắt gluconat dihydrat + Mangan gluconat dihydrat + đồng gluconat	Vigahom		VD-28676-1R, Hiệu lực: 08/01/2023	431,08mg (tương đương 50mg sắt) + 11,65mg (tương đương 1,33mg mangan) + 5mg (tương đương 0,7mg đồng)	Dạng dịch uống	Ông 10ml	Uống	Ông	Công ty CP LP Phương Đông	Việt Nam	Hộp 20 ông x 10ml	3,780	100,000	378,000,000	NHOM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
421	586	Sertralin (dạng Sertralin hydrochloride)	Zoloman 100		VD-34211-20, Hiệu lực: 15/06/2025	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm GPV	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	4,000	2,000	8,000,000	NHOM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH
422	505	Sitagliptin (chưa dạng Sitagliptin phatnat monohydrat 31,25mg)	Meyersitriptin 25		VD-33836-19, Hiệu lực: 23/10/2024	25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer - JPC	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2,625	20,000	52,500,000	NHOM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRE XANH

STT	STT trong tài vụ xuất khẩu	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hàng số GPNK	Hạng lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng năm xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
423	25	Túi 3 ngăn 1440ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 97g, Dầu đậu nành tinh chế 51g, Alanin 4,8g, Arginin 3,4g, Aspartic acid 1,0g, Calci Chlorid (dưới dạng Calci chlorid dehydrat) 0,22g, Glutamic acid 1,7g, Glycin 2,4g, Histidin 2,0g, Isoleucin 1,7g, Leucin 2,4g, Lysin (dưới dạng Lysin HCl) 2,7g, Magnesi sulfat (dưới dạng Magnesi sulfat heptahydrat) 0,48g, Methionin 1,7g, Phenylalanin 2,4g, Kali clorid 1,8g, Prolin 2,0g, Serin 1,4g, Natri acetat (dưới dạng Natri acetat trihydrat) 1,5g, Natri glycerophosphat (dưới dạng Natri glycerophosphat hydrat) 1,5g, Threonin 1,7g, Tryptophan 0,57g, Tyrosin 0,07g, Valin 2,2g.	Kabiven Peripheral Inj 1440ml Bcg 4's	Kabiven Peripheral	VN-19951-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 15267eQLD-DK ngày 24/08/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	Glucose 11% 885ml; dung dịch acid amin có điện giải 300ml và hỗn tương mỡ Intralipid 20% 255ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Túi 1440ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Fresenius Kabi AB	Thụy Điển	Thùng 4 túi 3 ngăn 1440ml	585,000	200	117,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
424	30	Các acid Amin	Nephrosteril Inf 250ml 10's	Nephrosteril	VN-17948-14 (Công văn gia hạn: Công văn số 12768eQLD-DK ngày 05/07/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/07/2022	250 ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Tiền truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 250ml	91,800	2,000	183,600,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
425	56	Indapamide + Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate)	Natixam 1.5mg/10mg Tab 6x5's	Natixam 1.5mg/10mg	VN3-6-17, Hiệu lực: 20/02/2022	1,5mg + 10mg	viên nén giải phóng kiểm soát		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 6 vi x 5 viên	4,987	2,000	9,974,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
426	96	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	AZARGA 5ML	Azarga	VN-17810-14 (Công văn gia hạn: Công văn số 10564eQLD-DK ngày 31/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 12/06/2022	10mg/ml + 5mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	s.a. Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	Hộp 1 lọ 5ml	310,800	500	155,400,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
427	119	Calcitriol	Rocaltrol 0.25mcg Caps B/30	Rocaltrol	VN-14167-11 (Công văn gia hạn: Công văn số 12768eQLD-DK ngày 01/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 01/04/2022	0,25mcg	Viên nang		Uống	Viên	CSSX: Catalent Germany Eberbach GmbH; CS đóng gói: F.Hoffmann- La Roche Ltd	CSSX: Đức; đóng gói: Thụy Sĩ	Lọ 30 viên nang mềm	4,721	10,000	47,210,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
428	227	Epoetin alfa	Binocrit 2000IU/ml Inj 6'S	Binocrit	QLSP-911-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 6040eQLD-DK ngày 16/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 16/04/2022	2000 IU/ml	Dung dịch tiêm đông sản trong bơm tiêm		Tiền dưới da và tiêm tĩnh mạch	Bơm tiêm	CSSX: IDT Biologika GmbH; CSXX: Sandoz GmbH	CSSX: Đức; CSXX: Áo	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn	220,000	1,000	220,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
429	230	Epoetin alfa	Binocrit 4000IU/0.4ml Inj 6'S	Binocrit	QLSP-912-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 6039eQLD-DK ngày 16/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 16/04/2022	4000 IU/0.4 ml	Dung dịch tiêm đông sản trong bơm tiêm		Tiền dưới da và tiêm tĩnh mạch	Bơm tiêm	CSSX: IDT Biologika GmbH; CSXX: Sandoz GmbH	CSSX: Đức; CSXX: Áo	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn	436,000	2,000	872,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
430	233	Epoetin beta	Recormon 4000IU Inj. B/6	Recormon	SP-1190-20, Hiệu lực: 18/11/2025	4000IU/0,3ml	Dung dịch tiêm		Tiền	Bơm tiêm	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn thuốc	436,065	500	218,032,500	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
431	310	Indacaterol (dưới dạng Indacaterol maleat), Glycopyrronium (dưới dạng Glycopyrronium bromide)	Ultibro Breezhaler 110mcg/50mcg 5x6	Ultibro Breezhaler	VN2-574-17 (Công văn gia hạn: Công văn số 14417eQLD-DK ngày 24/08/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 24/08/2022	110mcg + 50mcg	Bột hít chứa trong nang cứng		bột để hít	Hộp	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 vi x 6 viên kèm 01 dụng cụ hít	699,208	160	111,873,280	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
432	331	Kali chloride	Kaleorid Tab 600mg 30's	Kaleorid	VN-15699-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 822eQLD-DK ngày 09/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 09/02/2022	600mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm		Uống	Viên	Leo Pharmaceutical Product Ltd. A/S (Leo Pharma A/S)	Đan Mạch	Hộp 3 vi x 10 viên bao phim giải phóng chậm	2,100	2,000	4,200,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
433	410	Methoxy polyethylene glycol-epoetin beta	Mircera 100mcg/0.3ml Inj. B/1	Mircera	SP3-1208-20, Hiệu lực: 03/12/2025	100mcg	Dung dịch tiêm		Tiền	Bơm tiêm	CSSX: F. Hoffmann - La Roche Ltd.; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Roche Diagnostics GmbH	CSSX: Thụy Sĩ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	Hộp 01 bơm tiêm đóng sẵn thuốc	3,291,750	50	164,587,500	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
434	411	Methoxy polyethylene glycol-epoetin beta	Mircera 50mcg/0.3ml Inj. B/1	Mircera	SP3-1209-20	50mcg	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,3ml	Tiền	Bơm tiêm	CSSX: F. Hoffmann - La Roche Ltd.; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Roche Diagnostics GmbH	CSSX: Thụy Sĩ, Đóng gói và xuất xưởng: Đức	Hộp 01 bơm tiêm đóng sẵn thuốc	1,695,750	100	169,575,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
435	439	Acetylcystein	ACC 200mg Sus. 50's	ACC 200	VN-19978-16 (Công văn gia hạn số 16116eQLD-DK ngày 12/09/2021); (Công văn gia hạn: Công văn số 16116eQLD-DK ngày 12/09/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 12/09/2022	200mg	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH	Đức	Hộp 50 gói	1,720	10,000	17,200,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
436	470	Dầu đậu nành + Glycerol + Phospholipid từ trứng	Lipovenoes 10% PLR 250ml 10's	Lipovenoes 10% PLR	VN-22320-19, Hiệu lực: 23/10/2024	10%, 250ml (25g+6,25g+1,5g)	Nhũ tương tiêm truyền	Chai 250ml	Tiền truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 250ml	90,500	50	4,525,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

STT	STT trong tờ kê xuất khẩu	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàng hóa	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gia trị xuất khẩu	Số lượng trong tờ	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
437	471	Dầu đậu nành tinh chế + Triglycerid mạch trung bình + Dầu oliu tinh chế + Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% inf 250ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 15404/QLD-DK ngày 26/08/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	20%, 250ml ((6g+5g+3g)/100 ml)	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 250 ml	145,000	500	72,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
438	473	Dầu đậu nành tinh chế + Triglycerid mạch trung bình + Dầu oliu tinh chế + Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 15404/QLD-DK ngày 26/08/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	20%, 100ml ((6g+ 0g + 5g +3g)/100ml)	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 100 ml	98,000	200	19,600,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
439	483	Norethisterone	Primolut-N Tab 5mg 30's	Primolut N	VN-19016-15, Hiệu lực: 06/10/2020	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Bayer Weimar GmbH und Co. KG	Đức	Hộp 2 vỉ x 15 viên	1,483	1,000	1,483,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
440	514	Perindopril tert Butylamine 4mg; Indapamide 1.25 mg	Perilor Plus 4mg/1.25mg Tab 3X10's	Perilor Plus 4mg/1.25mg	VN-15517-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 4610e/QLD-DK ngày 04/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 04/04/2022	4mg; 1,25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3,625	15,000	54,375,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
441	517	Perindopril arginine + Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate)	Coveram 10-10 Tab 10-10mg 30's	Coveram 10mg/10mg	VN-18632-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 5559e/QLD-DK ngày 15/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/04/2022	10mg (tương đương 6,79mg Perindopril)+ 10mg	Viên nén		Uống	Viên	Servier Ireland Industries Ltd	Áilen	Hộp 1 lọ x 30 viên	10,123	2,000	20,246,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
442	518	Perindopril arginine + Amlodipine (dưới dạng Amlodipin besilate)	Coveram 10-5 Tab 10-5mg 30's	Coveram 10mg/5mg	VN-18633-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 5558e/QLD-DK ngày 15/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/04/2022	10mg (tương đương 6,79mg Perindopril)+ 5mg	Viên nén		Uống	Viên	Servier Ireland Industries Ltd	Áilen	Hộp 1 lọ x 30 viên	10,123	2,000	20,246,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
443	519	Perindopril arginine + Amlodipine (dưới dạng Amlodipin besilate)	Coveram 5-10 Tab 5mg-10mg 30's	Coveram 5mg/10mg	VN-18634-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 5557e/QLD-DK ngày 15/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/04/2022	5mg (tương đương 3,395mg Perindopril)+ 10mg	Viên nén		Uống	Viên	Servier Ireland Industries Ltd	Áilen	Hộp 1 lọ x 30 viên	6,589	3,000	19,767,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
444	520	Perindopril Arginine + Indapamide	Coveryl plus 5/1.25 mg tab Arginine 30's	Coveryl Plus Arginine 5mg/1.25 mg	VN-18353-14 (Công văn gia hạn: Công văn số 622e/QLD-DK ngày 08/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 08/02/2022	5 mg + 1,25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	6,500	5,000	32,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
445	533	Povidon iod	Betadin Gargle 1% 125ml	Betadin Gargle and Mouthwash	VN-20035-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 622a/QLD-DK ngày 08/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 25/10/2022	1% kl/tt	Dung dịch súc họng và súc miệng	Chai 125ml		Chai	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd	Cyprus	Hộp 1 chai 125ml	56,508	150	8,476,200	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
446	543	Progesterone (dạng hạt mịn)	Utrogestan 100mg Capsule 2x15's	Utrogestan 100mg	VN-19019-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 7191e/QLD-DK ngày 04/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 04/05/2022	100mg	Viên nang mềm		Uống, đặt âm đạo	Viên	Sản xuất bán thành phẩm: Capsugel Ploermed; Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng: Besins Manufacturing Belgium	CSSX: Pháp; đóng gói: Bỉ	Hộp 2 vỉ x 15 viên	6,500	1,000	6,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
447	545	Progesterone (dạng hạt mịn)	Utrogestan 200mg Capsule 1x7's, 1x8's	Utrogestan 200mg	VN-19020-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 7190e/QLD-DK ngày 04/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 04/05/2022	200mg	Viên nang mềm		Uống, đặt âm đạo	Viên	Sản xuất bán thành phẩm: Capsugel Ploermed; Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng: Besins Manufacturing Belgium	CSSX: Pháp; đóng gói: Bỉ	Hộp 15 viên (1 vỉ 7 viên + 1 vỉ 8 viên)	13,000	3,000	39,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
448	549	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 1033e/QLD-DK ngày 15/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/02/2022	1%, 20ml	Nhũ tương để tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống 20ml		Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 5 ống 20ml	25,440	2,000	50,880,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
449	558	Ramipril 5mg	Ramipril 5mg Tab 2x10's	Ramipril 5mg	VN-22443-19, Hiệu lực: 23/10/2024	5mg	Viên nén		Uống	viên	Lek S.A	Ba Lan	Hộp 2 vỉ x 10 viên	2,650	50,000	132,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
450	570	Rocuronium bromide 10mg/ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-22745-21, Hiệu lực: 20/04/2026	10mg/ml	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ 5ml		Lo	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ x 5ml	46,500	3,000	139,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
451	578	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised), Fluticasone propionate (dạng micronised)	Seretide Evohaler DC 25/250mcg 120d	Seretide Evohaler DC 25/250mcg	VN-22403-19, Hiệu lực: 23/10/2024	25mcg + 250mcg	Thuốc phun mã định liều bề bôn dịch	Bình xịt 120 liều		Bình xịt	Glaxo Wellcome SA.	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình 120 liều xịt	278,090	1,000	278,090,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
452	590	Simeticone	Espumisan Cap 40mg 2x25's	Espumisan Capsules	VN-14925-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 10403e/QLD-DK ngày 31/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 21/07/2022	40mg	Viên nang mềm		Uống	Viên	CSSX: Catalent Germany Eberbach GmbH; CSDD: Berlin Chemie AG (Mearin Group)	Đức	Hộp 2 vỉ x 25 viên	838	60,000	50,280,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
453	629	Thiamazole	Thyrozol 5mg Tab 10x10's	Thyrozol 5mg	VN-21907-19, Hiệu lực: 20/03/2024	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA, CSDD và xuất xưởng: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức; CSDD và xuất xưởng: Áo	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1,400	15,000	21,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
454	634	Mỗi ml dung dịch chứa Timolol (dạng Timolol maleate) 5mg	Timolol Maleate Eye Drops 0.5% 5ml	Timolol Maleate Eye Drops 0.5%	VN-21434-18, Hiệu lực: 29/10/2023	5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 5ml		Lọ	SA Alcon-Couvreur NV	Bỉ	Hộp 1 lọ đem gọt 5ml	42,199	600	25,319,400	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

STT	STT trong hồ sơ xuất khẩu	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hạng hàng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dạng dùng	Dạng vị	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị thuế	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
455	641	Tocilizumab	Actemra 200mg/10ml Vial B/1	Actemra	SP-1189-20, Hiệu lực: 18/11/2025	200mg/10ml	Dạng dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ 10ml	Tiêm truyền	Lọ	CSSX: Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd, CSIG: F. Hoffmann La Roche Ltd	CSSX: Nhật, đóng gói: Thụy Sĩ	Hộp 1 lọ x 10ml	5,190,699	200	1,038,139,800	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
456	649	Travoprost	Travatan 2.5ml	Travatan	VN-15190-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 10372e/QLD-DK ngày 31/05/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 22/06/2022	0,04mg/ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Lọ 2.5ml	Nhỏ mắt	Lọ	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bi	Hộp 1 lọ 2.5ml	252,300	120	30,276,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
457	650	Travoprost + Timolol (dạng Timolol maleate)	Duotrav 2.5ml	Duotrav	VN-16936-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 1661e/QLD-DK ngày 22/02/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 22/02/2022	0,04mg/ml + 5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 2.5ml	Nhỏ mắt	Lọ	S.A. Alcon Couvreur N.V.	Bi	Hộp 1 lọ 2.5ml	320,000	100	32,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
458	693	Acid Zoledronic (dạng acid zoledronic monohydrat) 5mg/100ml	Aclasta 5mg/100ml 1's	Aclasta	VN-21917-19, Hiệu lực: 20/03/2024	100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch 5mg/100ml	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	CSSX: Fresenius Kabi Austria GmbH, CSXX: Novartis Pharma Stein AG	CSSX: Áo, xuất xưởng: Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	6,761,489	20	135,229,780	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
459	26	Túi 3 ngăn 1440ml chứa: Glucose khan (dạng Glucose monohydrat) 97g; Dầu đầu nhớt tinh chế 51g; Alanin 4.8g; Arginin 3.4g; Aspartic acid 1.0g; Calci Chlorid (dạng Calci chlorid dehydrat) 0.22g; Glutamic acid 1.7g; Glycin 2.4g; Histidin 2.0g; Isoleucin 1.7g; Leucin 2.4g; Lysin (dạng Lysin HCl) 2.7g; Magnesi sulfat (dạng Magnesi sulfat heptahydrat) 0.48g; Methionin 1.7g; Phenylalanin 2.4g; Kali clorid 1.8g; Prolin 2.0g; Serin 1.4g; Natri acetat (dạng Natri acetat trihydrat) 1.5g; Natri glycerophosphat (dạng Natri glycerophosphat hydrat) 1.5g; Threonin 1.7g; Tryptophan 0.57g; Tyrosin 0.07g; Valin 2.2g	Kabiven Peripheral Inj 1440ml Bag 4's	Kabiven Periphera	VN-19951-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 15267e/QLD-DK ngày 24/08/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	Glucose 885ml + dung dịch acid amin có điện giải 300ml + nhũ tương 255ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Túi 1440ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Fresenius Kabi AB	Thụy Điển	Thùng 4 túi 3 ngăn 1440ml	585,000	600	351,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
460	364	Levothyroxine natri	Levothyrox Tab 50mcg 3x10's	Levothyrox	VN-17750-14 (Công văn gia hạn số 18644e/QLD-DK ngày 19/11/2021); (Công văn gia hạn: Công văn số 18644e/QLD-DK ngày 19/11/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 19/11/2022	50mcg	Viên nén		Uống	Viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA, CSIG và xuất xưởng: Merck S.A de C.V	CSSX: Đức, đóng gói và xuất xưởng: Mexico	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1,007	5,000	5,035,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
461	472	Dầu đầu nhớt tinh chế + Triglycerid mạch trung bình + Dầu otu tinh chế + Dầu ô tinh chế	Smoflipid 20% Inf 250ml 10's		VN-19955-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 15404e/QLD-DK ngày 26/08/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	20%, 250ml ((6g+5g+3g)/100 ml)	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Truyền tĩnh mạch hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 250 ml	145,000	500	72,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
462	23	Các acid amin	Aminosteril 10% 250 ml 20's	Aminosteril 10%	VD-19242-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 12163e/QLD-DK ngày 29/06/2021 v/v duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 29/06/2022	10%, 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 250ml	72,000	100	7,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
463	222	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguetant 30mg/ml		VN-19221-15 (Công văn gia hạn: CV 2495e/QLD-DK). Hiệu lực: 03/03/2022	30mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền	Ống 1ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	France	Hộp 10 ống	57,750	1,500	86,625,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
464	251	Fentanyl	Fentanyl B.Braun 0.5mg/10ml		VN-21366-18	0.5mg/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	B.Braun Melsungen AG	Germany	Hộp 10 ống	24,000	500	12,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
465	299	Heparin sodium	Heparin		VN-15617-12 (Công văn gia hạn: CV 12245e/QLD-DK). Hiệu lực: 30/06/2022	25 000IU/5ml	Dung dịch tiêm	Lọ 5ml	Tiêm	Lọ	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Germany	Hộp 25 lọ	199,950	2,500	499,875,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
466	301	Hydrocortisone acetate 125mg/5ml, Lidocaine hydrochloride 25mg/5ml	Hydrocortison - Lidocain Richter	Hydrocortison-Lidocain-Richter	VN-17952-14 (Công văn gia hạn: CV 4630e/QLD-DK). Hiệu lực: 05/04/2022	125mg + 25mg	Hỗn dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Gedeon Richter Plc	Hungary	Hộp 1 lọ 5ml	35,000	200	7,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
467	412	Methyl ergometrin maleat	Methylergometrine Maleate Injection 0.2mg - 1ml		VN-21836-19, Hiệu lực: 20/03/2024	0.2mg	Ống 1ml		Tiêm	Ống	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Germany	Hộp 10 ống	18,900	300	5,670,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
468	481	Noradrenalin (dạng noradrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16 (Công văn gia hạn: CV 15956e/QLD-DK). Hiệu lực: 08/09/2022	1mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền	Ống 1ml	Tiêm truyền	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A	Poland	Hộp 10 ống	35,000	3,500	122,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
469	508	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Paracetamol 10mg	PARACETAMOL MACOPHARMA		VN-22243-19, Hiệu lực: 23/10/2024	500mg/50ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Túi	Carlside	France	Thùng 50 túi 50ml	36,150	15,000	542,250,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
470	523	Mỗi 1ml dung dịch chứa Phenylephrin (dạng Phenylephrin hydroclorid) 50mcg	Phenylalpha 50microg rams/ml		VN-22162-19, Hiệu lực: 24/07/2024	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguetant	France	Hộp 10 ống 10ml	125,000	250	31,250,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
471	65	Ampicilin + Sulbactam	Visalim 2g/1g		VD-27150-17, Hiệu lực: 22/06/2022	2g + 1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	55,000	8,000	440,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
472	568	Rivaroxaban	Ritaxaban 2.5		VDJ-97-20, Hiệu lực: 21/12/2021	2.5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophasina	Việt Nam	Hộp 14 viên	14,500	100,000	1,450,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
473	596	Sitagliptin (dạng Sitagliptin phosphat monohydrat)	Sitagliptin-5A FARMA 50mg		VD-33762-19, Hiệu lực: 23/10/2024	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần tiên doanh dược phẩm Elogre France Việt Nam	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2,050	5,000	10,250,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

STT	STT trong hồ sơ mới thảo	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Ghi trọng thảo	Số lượng trong thảo	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
474	24	Isoleucine, Leucine, Lysine Hydrochloride, Methionine, Phenylalanine, Threonine, Tryptophan, Valine, Arginine glutamate, Histidine hydrochloride monohydrate, Alanine, Aspartic Acid, Glutamic Acid, Glycine, Proline, Serine, Magnesium acetate tetrahydrate, Sodium acetate trihydrate, Sodium chloride, Sodium hydroxide, Potassium hydroxide, Potassium Dihydrogen Phosphate, Glucose monohydrate, Calcium Chloride Dihydrate	Nutriflex Peri		VN-18157-14 (Công văn gia hạn: 2252eQLD-DK), Hiệu lực: 26/02/2022	2,34g + 3,13g + 2,84g + 1,96g + 3,51g + 1,82g + 0,57g + 2,6g + 4,98g + 1,69g + 4,85g + 1,5g + 1,22g + 1,65g + 3,4g + 3g + 0,86g + 1,56g + 0,17g + 0,50g + 0,52g + 0,78g + 88g + 0,37g	Dung dịch tiêm truyền	Túi 2 nghìn 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 túi 1000ml	404,000	120	48,480,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUE HAI
475	27	Isoleucine + Leucine + Lysine (dưới dạng Lysine HCl) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine (dưới dạng Histidine HCl mono hydrat) + Alanine + Aspartic acid + Glutamic acid + Glycine + Proline + Serine + Natri hydroxide + Natri Chloride + Natri acetat trihydrate + Kali acetat + Magnesium acetate tetrahydrate + Calcium chloride dihydrate + Glucose (dưới dạng Glucose monohydrate) + Sodium dihydrogen phosphate dihydrat + Zinc acetat dihydrat + Soya-bean oil, refined + Medium-chain triglycerides	Nutriflex Lipid Peri		VN-19792-16 (Công văn gia hạn: 1506eQLD-DK), Hiệu lực: 19/08/2022	Mỗi 1250ml: 2,34g + 3,13g + 2,26g + 1,96g + 3,51g + 1,82g + 0,57g + 2,6g + 2,7g + 1,25g + 4,85g + 1,5g + 3,5g + 1,65g + 3,4g + 3g + 0,8g + 1,081g + 0,544g + 2,943g + 0,644g + 0,441g + 80g + 1,170 + 6,625mg + 25g + 25g	Nhũ tương tiêm truyền	Túi 1250ml	Tiêm truyền	Túi	B Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 5 túi 1250ml	840,000	100	84,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUE HAI
476	454	Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid 2H2O; Magnesi clorid 6H2O; Natri acetat 3 H2O; Acid L-Malic	Ringerfundin (Ringer acetat đẳng trương)		VD-31374-18, Hiệu lực: 08/10/2023	(3,4g + 0,15g + 0,185g + 0,1g + 1,635g + 0,335g)/ 500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty TNHH B Braun Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 chai 500ml	19,950	6,000	119,700,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUE HAI
477	276	Succinylated Gelatin + Sodium clorid + Sodium hydroxyl	Gelofusine		VN-20882-18, Hiệu lực: 16/01/2023	20g + 3,505g + 0,68g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical Industries Sdn Bhd	Malaysia	Hộp 10 chai 500ml	116,000	300	34,800,000	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUE HAI
478	204	Drotaverin hydroclorid	Drotase Forte		VD-24789-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 3010eQLD-DK ngày 07/07/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 15/07/2022	80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1,050	120,000	126,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
479	97	Bromhexin hydroclorid	Ag-Bromhexine 16		VD-30270-18, Hiệu lực: 05/07/2023	16mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	630	50,000	31,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
480	124	Carbocistein	Aumuco 750V		VD-31668-19, Hiệu lực: 27/02/2024	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	2,499	100,000	249,900,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
481	238	Etidolac	Etidolac DWP 300mg		VD-35357-21, Hiệu lực: 01/09/2026	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	3,276	15,000	49,140,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
482	257	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydroclorid)	Mezapizin 10		VD-24224-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 9363eQLD-DK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 25/05/2022	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	357	200,000	71,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
483	341	Ketoprofen	Kefafen 75		VD-25174-16, Hiệu lực: 23/10/2022	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	651	20,000	13,020,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
484	380	Magnesi aspartat + Kali aspartat	Pomatat		VD-22155-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 8083eQLD-DK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 30/05/2022	140mg + 158mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1,029	50,000	51,450,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
485	407	Methocarbamol	Mycotrova 1000		VD-27941-17, Hiệu lực: 19/09/2022	1000mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2,289	100,000	228,900,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
486	476	Nicorandil	Pecrandil 10		VD-30394-18, Hiệu lực: 05/07/2023	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	3,381	100,000	338,100,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
487	539	Pravastatin	Prevastatin DWP 30 mg		VD-35225-21, Hiệu lực: 23/06/2026	30mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	2,940	50,000	147,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
488	552	Propylthiouracil	Basethyrus		VD-21287-14 (Công văn gia hạn: Công văn số 376eQLD-DK ngày 12/03/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 12/03/2022	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 100 viên	735	10,000	7,350,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
489	559	Ramipril	Beynil 5		VD-35020-21, Hiệu lực: 03/06/2026	5mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2,352	50,000	117,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
490	573	Roxithromycin	Musclid 300		VD-28092-18, Hiệu lực: 22/02/2023	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	2,499	20,000	49,980,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
491	581	Sắt Fumarat + Acid folic	Femancia		VD-27929-17, Hiệu lực: 19/09/2022	305mg + 350 mcg	Viên nang cứng (đỏ)		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	588	70,000	41,160,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯƠNG THÀNH
492	395	Metformin hydroclorid	Metformin		VD-31992-19, Hiệu lực: 27/02/2024	1000mg	Viên bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	530	50,000	26,500,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM
493	398	Metformin hydroclorid	Metformin 500mg		VD-33619-19, Hiệu lực: 23/10/2024	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	162	70,000	11,340,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM
494	401	Metformin hydroclorid	Metformin 850mg		VD-33620-19, Hiệu lực: 23/10/2024	850mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	204	100,000	20,400,000	NHÓM 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM

STT	STT trong hồ sơ xuất khẩu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gia trị trung bình	Số lượng trung bình	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
495	247	Fenofibrat	TV. Fenofibrat		VD-19502-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 1557e/QLD-ĐK ngày 20/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành); Hiệu lực: 20/02/2022	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	390	20,000	7,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM
496	252	Fesophenadin HCl	Fesophar 120		VD-19970-13 (Công văn gia hạn: Công văn số 7576e/QLD-ĐK ngày 10/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành); Hiệu lực: 10/05/2022	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	468	50,000	23,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM
497	396	Metformin hydroclorid	Metformin		VD-31992-19, Hiệu lực: 27/02/2024	1000mg	Viên bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	530	50,000	26,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM
498	399	Metformin hydroclorid	Metformin 500mg		VD-33619-19, Hiệu lực: 23/10/2024	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	162	100,000	16,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM
499	402	Metformin hydroclorid	Metformin 850mg		VD-33620-19, Hiệu lực: 23/10/2024	850mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	204	100,000	20,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM
500	343	Lactobacillus acidophilus	BACTIVIT-H		QLSP-834-15 (Công văn gia hạn: Công văn 7778e/QLD-ĐK ngày 14/5/2021 gia hạn hiệu lực SDK); Hiệu lực: 14/05/2022	>=10^9 CFU	Thuốc bột uống		Uống	Gói	Công Ty Liên Doanh Dược Phẩm Mebiphar - Austrapharm	Việt Nam	Hộp 100 gói; Gói 1g	945	100,000	94,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ỨC CHÂU
501	589	Simethicone	AIR-X 120		VN-19126-15 (CVGH 2553e/QLD-ĐK) (Công văn gia hạn: Công văn 2553e/QLD-ĐK ngày 23/2021 gia hạn SDK); Hiệu lực: 02/03/2022	120mg	Viên nén nhai		Uống	Viên	R.X Manufacturing Co., Ltd	Thái Lan	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1,365	30,000	40,950,000	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ỨC CHÂU
502	167	Desloratadin	VACO LORATADINE'S	Vaco Loratadine S	VD-17625-12 (Công văn gia hạn: Công văn 2294e/QLD-ĐK ngày 25/2/2021); Hiệu lực: 25/02/2022	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược VacoPharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	157	200,000	31,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM
503	171	Dexchlorpheniramin maleat	VACO - POLA 2		VD-23114-15 (Công văn gia hạn: Công văn 2924e/QLD-ĐK ngày 11/3/2021); Hiệu lực: 11/03/2022	2mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược VacoPharm	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 20 viên	52	100,000	5,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM
504	181	Diclofenac natri	DICLOFENAC 75		VD-21923-14 (Công văn gia hạn: Công văn 2210e/QLD-ĐK ngày 25/2/2021); Hiệu lực: 25/02/2022	75mg	Viên nén bao phim tan trong nước		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược VacoPharm	Việt Nam	Hộp 50 vỉ x 20 viên	150	5,000	750,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM
505	205	Drotaverin hydroclorid	VACODROTA 80		VD-32090-19	80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược VacoPharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 40 viên	523	30,000	15,690,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM
506	18	Acyclovir	Demosol		VN-20731-17	400mg	Viên nén		Uống	Viên	Farmalabor Produtos Farmaceuticos, S.A (Fab.)	Portugal	Hộp 5 vỉ x 5 viên	8,500	1,000	8,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
507	68	Atorvastatin	Zentocor 40mg		VN-20475-17	40mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Pharmathen International SA	Greece	Hộp 3 vỉ x 10 viên	10,500	250,000	2,625,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
508	88	Bisoprolol fumarat	Zentobise 10.0mg		VN-17387-13	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Niche Generics Ltd	Ireland	Hộp 2 vỉ x 14 viên	6,850	50,000	342,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
509	93	Bisoprolol fumarat + Hydrochlorothiazid	Bisoplus HCT 5/12.5		VD-18530-13	5mg + 12,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 4 vỉ x 10 viên	2,400	50,000	120,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
510	145	Cetirizin	Taparen		VN-19811-16	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Farmalabor-Produtos Farmaceuticos, S.A.	Portugal	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	3,850	100,000	385,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
511	212	Ebastin	Ebastine Normon 10mg Orodispersible Tablets		VN-22194-19	10mg	Viên nén phân tán trong miệng		Uống	Viên	Laboratorios Normon S.A	Spain	Hộp 2 vỉ x 10 viên	9,900	50,000	495,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
512	623	Tenoxicam	Bart		VN-21793-19	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Special Products line S.P.A	Italy	Hộp 3 vỉ x 10 viên	7,840	50,000	392,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
513	82	Betahistin dihydroclorid	SaVi Betahistine 8		VD-29119-18	8mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	950	200,000	190,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
514	216	Enoxaparin natri	Lupiparin		VN-18358-14 (Công văn gia hạn: Công văn gia hạn 12021 e/QLD-ĐK ngày 28/6/2021); Hiệu lực: 28/06/2022	40mg/0,4ml	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,4ml	Tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch	Bơm Tiêm	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 2 bơm tiêm	65,900	5,000	329,500,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
515	466	Metformin hydroclorid + Sitagliptin	Sita-Met Tablets 50/1000		DG34-20	1000mg + 50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm An Vi (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	9,000	100,000	900,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
516	114	Calci lactat pentahydrat	Calisfull		VD-28746-18	500mg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú-Nhà máy sản xuất dược phẩm Usanchopharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	2,150	200,000	430,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
517	330	Kali clorid	Kali Clorid		VD-33359-19	500mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	700	10,000	7,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
518	360	Levofloxacin	Sunflexacin 750mg/150ml		VD-32460-19	750mg/150ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 150ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Hộp 1 túi 150ml	62,100	10,000	621,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT
519	39	Alfuzosin hydroclorid	Alenbion XL 10		VD-34894-20, Hiệu lực: 21/12/2025	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài		Uống	Viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	7,182	40,000	287,280,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
520	103	Calci carbonat + Calci gluconolactat	Calcium Hasan 250mg		VD-28536-17, Hiệu lực: 19/09/2022	150mg + 1.470mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 1 tuyp 12 viên	1,785	30,000	53,550,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
521	106	Calci carbonat + Vitamin D3	Caldihasan		VD-34896-20, Hiệu lực: 21/12/2025	1.250mg + 125UI	Viên nén		Uống	Viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	840	50,000	42,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC

STT	STT trong tài liệu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPSPK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gói trưng thảo	Số lượng trưng thảo	Thanh toán	NHÓM T/CT	Công ty dự thảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
522	107	Calci carbonat + Vitamin D3	Calci D-Hasan		VD-22660-15 (Công văn gia hạn: CV số 1393/QĐ-DK ngày 07/07/2021 và duy trì hiệu lực giấy DKJ11). Hiệu lực: 07/07/2022	1.250mg + 440IU	viên nén su-bơ		Uống	Viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 1 tuyp x 18 viên	1,197	40,000	47,880,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
523	246	Fenofibrat	Mibefen NT 145		VD-34478-20, Hiệu lực: 15/06/2023	145mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	3,150	100,000	315,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
524	660	Valproat natri	Milepsy 200		VD-33912-19, Hiệu lực: 23/10/2024	200mg	viên nén bao phim lan-trung ruột		Uống	Viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi, 20 vi x 10 viên	1,260	5,000	6,300,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
525	160	Codien camphosulfemat + Sulfoguaiacol + Cao mềm Grindelia	NEO-CODION		VN-18966-15 (Công văn gia hạn: Công văn 7688/QĐ-DK ngày 12/5/2021 gia hạn hiệu lực SDK). Hiệu lực: 12/05/2022	25mg + 100mg + 20mg	Viên nén bao đường		Uống	Viên	Sophartex	France	Hộp 2 vi x 10 viên	3,585	3,000	10,755,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
526	226	Erythromycin (dạng Erythromycin ethyl succinat)	ERY CHILDREN 250mg (Xuli xươg bết: Laboratoires Bouchard, Recordati, địa chỉ: 70, Avenue du General de Gaulle 92800 Puteaus, France)		VN-18965-15 (Công văn gia hạn: Công văn 10320/QĐ-DK ngày 31/5/2021 gia hạn SDK). Hiệu lực: 31/05/2022	250mg	Cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Sophartex	France	Hộp 24 gói	5,166	20	103,320	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
527	290	Glyceril trinitrate	NITROMINT		VN-20270-17	0,08g (trong 10g khi dùng)	Khi dùng	Lọ 10g	Phun mù	Lọ	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 1 lọ 10g	150,000	500	75,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
528	349	Lercanidipine (hydroclorid)	ZANEDIP 10mg		VN-18798-15 (Công văn gia hạn: Công văn 3600/QĐ-DK ngày 10/4/2020 gia hạn SDK). Hiệu lực: 10/04/2021	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Recordati Industria Chimica e Farmaceutica S.p.A	Italy	Hộp 2 vi x 14 viên	8,450	40,000	338,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
529	362	Levothyroxine sodium	BERLTHYROX 100	Berlthyrox 100 (SX bán thành phẩm: Berlin Chemie AG (Merarim Group), D/c: Tempelher Weg 83, D-12347 Berlin)	VN-10761-10 (Công văn gia hạn: Công văn)	100mcg	Viên nén		Uống	Viên	Berlin Chemie AG (Merarim Group)	Đức	Hộp 4 vi x 25 viên	535	5,000	2,675,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
530	365	Lidocain	LIDOCAIN		VN-20499-17	10% 38g	Thuốc phun mù	Lọ 38g	Khi dùng	Lọ	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 1 lọ 38g	159,000	70	11,130,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
531	419	Metronidazol + Neomycin sulfate + Nystatin	NEO-TERGYNAN		VN-18967-15 (Công văn gia hạn: Công văn 11623/QĐ-DK ngày 16/6/2021). Hiệu lực: 16/06/2022	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Viên nén đặt âm đạo		Đặt âm đạo	Viên	Sophartex	France	Hộp 1 vi x 10 viên	11,800	2,000	23,600,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
532	547	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16 (Công văn gia hạn: Công văn 6711/QĐ-DK ngày 4/5/2021 gia hạn SDK). Hiệu lực: 04/05/2022	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm		Tiêm	Ông	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 100 ống 2ml	15,000	500	7,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
533	651	Tretanoin + Erythromycin	ERYLIK		VN-10603-10 (Công văn gia hạn: Công văn 18126/QĐ-DK ngày 5/11/2021 gia hạn hiệu lực SDK). Hiệu lực: 05/11/2022	0,025% + 4%	Gel bôi ngoài da	Tuyp 30g	Dùng ngoài	Tuyp	Laboratoires Chimieau	France	Hộp 1 ống nhôm 30g	113,000	600	67,800,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
534	363	Levothyroxine sodium	BERLTHYROX 100	Berlthyrox 100 (SX bán thành phẩm: Berlin Chemie AG (Merarim Group), D/c: Tempelher Weg 83, D-12347 Berlin)	VN-10763-10 (Công văn gia hạn: Công văn 4672/QĐ-DK ngày 3/4/2021). Hiệu lực: 05/04/2022	100mcg	Viên nén		Uống	Viên	Berlin Chemie AG (Merarim Group)	Germany	Hộp 4 vi x 25 viên	535	5,000	2,675,000	NHÓM 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
535	79	Betahistin dihydroclorid	Betaserc 24mg		VN-21651-19, Hiệu lực: 20/03/2024	24mg	Viên nén		Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	Hộp 5 vi x 10 viên	5,962	20,000	119,240,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
536	122	Carbetocin	Duratocin	Duratocin (dạng gói: Ferring International Center S.A., địa chỉ: Chemin de la Vergognausaz, CH-1162 St. Prex, Switzerland)	VN-19945-16 (Co Công văn gia hạn số 15010/QĐ-DK ngày 17/08/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 15010/QĐ-DK ngày 17/08/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	100mcg/1ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Ông 1ml	Tiêm tĩnh mạch	Ông	Ferring GmbH	Đức	Hộp 5 ống x 1ml	398,036	40	15,921,440	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
537	260	Fluorometholone acetate	Flares		VN-19381-15 (Co Công văn gia hạn số 1663/QĐ-DK ngày 22/02/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 1663/QĐ-DK ngày 22/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 22/02/2022	1 mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt vô khuẩn	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	s.a Alcon Couvreur N.V	Bỉ	Hộp 1 lọ kèm giọt Droptainer 5 ml	27,900	100	2,790,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
538	465	Môi mi hỗn dịch chứa: Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	Maxitrol		VN-21435-18, Hiệu lực: 29/10/2023	1mg/ml + 35000IU/ml, 60000IU/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	s.a Alcon-Couvreur n.v	Bỉ	Hộp 1 lọ kèm giọt 5ml	41,800	300	12,540,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG

STT	STT trong tài liệu nội thất	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPKN	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đem vị sinh	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trị thuế	Số lượng trong thảo	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thảo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
539	474	Nicardipin hydroclorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml		VN-19999-16 (Cơ Công văn gia hạn số 15272eQLD-DK ngày 24/08/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 15272eQLD-DK ngày 24/08/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch			Tiêm truyền	Ông	Laboratoire Aguetant	Pháp	Hộp 10 ống x 10ml	124,999	500	62,499,500	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
540	531	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	Systane Ultra 5ml	Systane Ultra	VN-19762-16 (Cơ Công văn gia hạn số 15729eQLD-DK ngày 03/09/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 15729eQLD-DK ngày 03/09/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 05/09/2022	0,4% + 0,1%	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Alcon Research, LLC	Mỹ	Hộp 1 lọ 5ml	60,100	3,000	180,300,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	
541	548	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Propuracain hydroclorid	Alcaine 0.5% 15 ml	Alcaine 0,5%	VN-21993-18, Hiệu lực: 27/03/2023	5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Lọ	SA Alcon-Couvreur NV	Bỉ	Hộp 1 lọ 15ml	39,380	100	3,938,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	
542	556	Raccacodril	Hidrasec 100mg		VN-21653-19, Hiệu lực: 20/03/2024	100mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Sophartes	Pháp	Hộp 2 vỉ x 10 viên	13,125	1,000	13,125,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	
543	635	Mỗi 1ml chứa: Tobramycin	Tobrin 0.3%		VN-20306-17, Hiệu lực: 08/06/2022	3mg/ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	Hộp 1 lọ x 5ml	35,000	1,000	35,000,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	
544	640	Mỗi gran chứa: Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex		VN-21629-18, Hiệu lực: 29/10/2023	3mg/1gram + 1mg/1gram	Mô tra mắt	Tuyp 3,5g	Tra mắt	Tuyp	S.A Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	Hộp 1 tuyp 3,5g	49,900	500	24,950,000	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	
545	661	Natri Valproate	Sodium Valpruate Aguettant 400mg/4ml	Sodium Valproate Aguettant	VN-22163-19, Hiệu lực: 24/07/2024	400mg/4ml	Dung dịch tiêm			Tiêm	Ông	Laboratoire Aguetant	Pháp	Hộp 10 ống x 4ml	121,429	700	85,000,300	NHÓM 1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
546	644	Acid tranexamic	Haemostop 250mg/5ml	Haemostop	VN-21943-19, Hiệu lực: 20/03/2024	250mg/5ml	Dung dịch tiêm			Tiêm	Ông	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 5 ống x 5ml	7,000	1,000	7,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
547	447	Natri clorid	NaCl 0,45%	Dịch truyền tĩnh mạch NaCl 0,45%	VD-32349-19, Hiệu lực: 27/02/2024	0,45g/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml		Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	12,000	1,000	12,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
548	456	Natri clorid + Natri Bicarbonat + Kali clorid + Dextrose khan	Hydrite		VD-24947-15 (Cơ Công văn gia hạn số 1002eQLD-DK ngày 15/02/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 1002eQLD-DK ngày 15/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/02/2022	350mg + 250mg + 150mg + 2g	Viên nén		Uống	Viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Hộp 25 vỉ x 04 viên	1,200	5,000	6,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	
549	248	Ipratropium bromide khan + Fenoterol hydrobromide	Berodual 20ml	Berodual	VN-16958-13 (Cơ Công văn gia hạn số 754eQLD-DK ngày 08/02/2021) (Công văn gia hạn: Công văn số 754eQLD-DK ngày 08/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 08/02/2022	250mcg/ml + 500mcg/ml	Dung dịch khí dung	Lọ 20ml	Khí dung	Lọ	Boehringer Ingelheim do Brasil Quimica e Farmaceutica Ltda	Brazil	Hộp 1 lọ 20ml	96,870	50	4,843,500	NHÓM 5	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	
550	76	Atropin sulfat	Atropin sulfat		VD-24897-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 10131eQLD-DK, ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/07/2022	0,25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ông 1ml		Tiêm	Ông	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 100 ống x 1ml	440	4,000	1,760,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
551	169	Dexamethason phosphat (dạng Dexamethason natri phosphat)	Dexamethasone		VD-27152-17, Hiệu lực: 22/06/2022	4mg/1ml	Dung dịch tiêm			Tiêm	Ông	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 1ml, Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	735	1,000	735,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
552	180	Diclofenac Natri	Diclofenac		VD-25829-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 17207eQLD-DK, ngày 26/09/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/11/2022	75mg/3ml	Dung dịch tiêm			Tiêm	Ông	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 ống, 50 ống x 3ml	800	1,500	1,200,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
553	193	Diphenhydramin Hydroclorid	Dimedrol		VD-24899-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 10133eQLD-DK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/07/2022	10mg/1ml	Dung dịch tiêm			Tiêm	Ông	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 100 ống x 1ml	492	600	295,200	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
554	202	Drotaverin HCL	Vinopa		VD-18098-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 6241eQLD- DK, ngày 19/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 19/04/2022	40mg/2ml	Dung dịch tiêm			Tiêm	Ông	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 ống, 5 vỉ x 10 ống x 2ml	2,255	500	1,127,500	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
555	221	Epersion hydroclorid	Sismyodine		VD-30602-18, Hiệu lực: 05/07/2023	50mg	Viên nén bao đường		uống	Viên	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	248	300,000	74,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	
556	224	Adrenalin	Adrenalin		VD-27151-17, Hiệu lực: 22/06/2022	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ông 1ml		Tiêm	Ông	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	1,297	2,500	3,242,500	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
557	235	Esomeprazol (dạng esomeprazol natri)	Vinxium		VD-22552-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 10387eQLD-DK ngày 31/03/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 03/07/2022	40mg	Thuốc tiêm bột dùng khử			Tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 lọ BDK + 5 DM, Hộp 10 Lọ	8,900	10,000	89,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC



STT	STT trong hồ sơ mới thuốc	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPKN	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
558	243	Famotidin	Vinfadin V20		VD-22247-15 (Công văn gia hạn: Công văn số 6245/QĐ-ĐK ngày 19/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 19/04/2022	20mg	Thuốc tiêm bột đông khô		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 lọ, Hộp 10 lọ	38,000	6,000	228,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
559	295	Granisetron (dưới dạng granisetron hydrochlorid)	Vinsetron		VD-34794-20, Hiệu lực: 21/12/2025	1mg/1ml	Dung dịch tiêm		Tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 ống x 1ml	43,500	500	21,750,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
560	413	Methylergometrin maleat	Vingomin		VD-24908-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 10149/QĐ-ĐK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/07/2022	0,2mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 ống 1ml	11,900	200	2,380,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
561	414	Methylprednisolon (Dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Vinasolon 125		VD-24345-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 5026/QĐ-ĐK ngày 09/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 09/04/2022	125mg	Thuốc tiêm bột đông khô		Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 DM, 10 lọ + 10 DM	22,400	1,000	22,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
562	625	Terbutalin sulfat	Vinterlin		VD-20895-14, Hiệu lực: 12/06/2019	0,5mg/1ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 50 ống x 1ml	4,820	100	482,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
563	645	Acid Tranexamic	Cammic		VD-28697-18, Hiệu lực: 08/01/2023	250mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml	1,720	7,000	12,040,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
564	648	Acid tranexamic	Cammic		VD-17592-12 (Công văn gia hạn: Công văn số 8406/QĐ-ĐK ngày 09/02/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 09/02/2022	500 mg	Viên nén dần bao phim		Uống	Viên	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1,764	10,000	17,640,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
565	669	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	Vancomycin		VD-24905-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 10129/QĐ-ĐK ngày 30/05/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/07/2022	500mg	Thuốc tiêm bột đông khô		Truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 lọ	16,468	2,000	32,936,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC
566	123	Carbocistein	Ausmucu 750G		VD-29744-18, Hiệu lực: 27/03/2023	750mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3g	5,900	40,000	236,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨ DUY
567	136	Cefotiam (dưới dạng hỗn hợp Cefotiam hydrochlorid và Natri Carbonat tỉ lệ 1:0,242)	Cefotiam 0,5g		VD-32005-19, Hiệu lực: 27/02/2024	0,5g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 01 lọ	48,900	2,000	97,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨ DUY
568	85	Bezafibrat	SaVi Bezafibrate 200		VD-21893-14, Hiệu lực: 17/02/2022	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	2,700	60,000	162,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
569	92	Bisoprolol fumarat + Hydrochlorothiazid	Bisoprolol Plus HCT 2,5/6,25		VD-20800-14	2,5mg + 6,25mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên (vi nhòem - nhòem)	2,200	50,000	110,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
570	242	Simvastatin + Ezetimib	Stazemid 10/10		VD-24378-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 6255/QĐ-ĐK ngày 19/04/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 19/04/2022	10mg + 10mg	Viên nén tạo phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	5,800	100,000	580,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
571	273	Gabapentin	Gabarica 400		VD-24848-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 12510/QĐ-ĐK ngày 05/07/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 15/07/2022	400mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	3,800	50,000	190,000,000	NHÓM 2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
572	4	Acetofenac	Clinzacr		VN-15948-12, Hiệu lực: 16/04/2021	200mg	Viên nén bao phim phòng thích có kiểm soát		Uống	Viên	Korea United Pharm Inc.	Hàn Quốc	Hộp 3 vi x 10 viên	6,900	80,000	552,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
573	228	Recombinant Human Erythropoietin alfa	Nanokine 2000 IU		QLSP-920-16 (Công văn gia hạn: Công văn số 3791/QĐ-ĐK ngày 22/03/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 22/03/2022	2000 IU/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược NaNoGen	Việt Nam	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml	111,600	4,000	446,400,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
574	231	Recombinant Human Erythropoietin alfa	Nanokine 4000 IU		QLSP-919-16	4000 IU/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược NaNoGen	Việt Nam	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml	258,300	15,000	3,874,500,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
575	477	Nifedipin	Avenza LA		VD-11340-10 (Công văn gia hạn: Công văn số 17385/QĐ-ĐK ngày 11/10/2019 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 11/10/2020	30mg	Viên nén giải phóng có kiểm soát		Uống	Viên	Công ty TNHH DP Vellpharm Việt Nam	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	5,500	30,000	165,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
576	516	Perindopril arginin	A.T Perindopril 5		VD-26747-17, Hiệu lực: 22/06/2022	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm An Thuận	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	3,100	30,000	93,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
577	567	Rivaroxaban	Rivareta		VD-15259-21, Hiệu lực: 23/06/2026	15mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Hộp 03 vi x 10 viên	25,000	10,000	250,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
578	583	Sắt (dưới dạng Sắt sucrose)	Necrovi		VD-28439-17, Hiệu lực: 19/09/2022	100mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược NaNoGen	Việt Nam	Hộp 1 lọ 5ml	69,300	2,000	138,600,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG
579	604	Succralfat	Vagastat		VD-23645-14 (Công văn gia hạn: Công văn số 2971/QĐ-ĐK ngày 11/03/2021 và duy trì hiệu lực giấy đăng ký lưu hành). Hiệu lực: 11/03/2022	1500mg	Hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty cổ phần Dược Phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 30 gói x 15g	4,200	30,000	126,000,000	NHÓM 4	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG

STT	VT trong tài sơ xuất thảo	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thảo	Tên hàng hóa dự thảo sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Gia trung thảo	Số lượng trung thảo	Thành tiền	NHÓM TCKT	Công ty dự thảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
580	431	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	Fleet Enema		VN-21175-18, Hiệu lực: 04/07/2023	(19g + 7g)/118ml	Dạng dịch thụt trực tràng	Chai 133ml	Thụt hậu môn - trực tràng	Chai	C B Fleet Company Inc.	USA	Hộp 1 chai 133ml	57,000	500	28,500,000	NHÓM 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
581	153	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin lactat)	Basmicin 200		VD-19469-13 (Công văn g hạn: Công văn số 4776/QLD- ĐK ngày 05/02/2021 và đượ nhi hiệu lực gây đăng ký lưu hành), Hiệu lực: 05/02/2022	200mg/20ml	Dạng dịch tiêm truyền		Tiêm	Lo	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 1 lọ 20ml	49,350	8,000	394,800,000	NHÓM 4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ VTYT NINH THIÊN
582	319	Irbesartan	Irbepro 300		VD-25074-16, Hiệu lực: 05/09/2021	300mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6,100	50,000	305,000,000	NHÓM 3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH AN

Tổng cộng: 582 khoản

110,310,675,760

Thành tiền bằng chữ: Một trăm mười tỷ, ba trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng chẵn

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN MỜI THẦU

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
QUẬN 11
TS.BS Phạm Quốc Dũng

HỒ CHÍ
MINH
11